

BÁO CÁO CÔNG TÁC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2022-2023

I. Đặc điểm tình hình

Trường tiểu học Thăng Long được thành lập theo quyết định số 315 ngày 25 tháng 6 năm 2009 của UBND thị xã Gia Nghĩa. Trường nằm trong khu tái định cư, diện tích được quy hoạch 9866m². Phòng học đáp ứng đủ cho 1047 học sinh được học 7-8 buổi/ngày

Hội đồng tự đánh giá của nhà trường căn cứ kế hoạch và văn bản hướng dẫn của Sở GD&ĐT tỉnh Đắk Nông, phòng GD&ĐT Thành phố Gia Nghĩa và cụ thể là Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học.

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 36 trong đó CBQL: 2; nhân viên 3 và 31 giáo viên đứng lớp. CBGV đạt chuẩn trình độ đào tạo: 36 đ/c

Tổ chức Đảng trong nhà trường gồm 30 Đảng viên

Các tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên, đội thiếu niên trong nhà trường luôn hoạt động tích cực trong các hoạt động phong trào do ngành và cấp trên đề ra.

VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

Có 26 phòng học cho 25 lớp học 7-8 buổi/ tuần. Phòng học đủ ánh sáng, thoáng mát, yên tĩnh. Có phòng học riêng để dạy môn tin học.

Nhà trường có sân khấu ngoài trời rộng, đẹp; có khu rửa tay, khu vệ sinh riêng cho học sinh nam và nữ, được giữ vệ sinh sạch sẽ.

Có nhiều cây xanh trong sân và xung quanh trường, độ che phủ cao là điều kiện tốt cho học sinh vui chơi và tổ chức các hoạt động ngoài giờ chính khóa.

Có 01 phòng thư viện đạt chuẩn để học sinh đọc và giáo viên nghiên cứu tài liệu. Thiết bị phục vụ đồ dùng cho 25 lớp, 02 máy tính xách tay, 05 máy chiếu để sử dụng cho giáo viên giảng dạy.

II. Tình hình thực hiện công tác tự đánh giá

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá

Trường TH Thăng Long ban hành Kế hoạch số 17/KHTĐG-TL ngày 22/9/2022 về việc kế hoạch tự đánh giá và thành lập Quyết định số 13/QĐ-TL ngày 23/9/2022 về việc thành lập Hội đồng và các nhóm công tác kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2022-2023; thành viên Hội đồng theo văn bản hướng dẫn.

2. Lập kế hoạch tự đánh giá

Thời gian lập kế hoạch: Từ ngày 06/9/2022 nhà trường lập kế hoạch đánh giá, thành lập hội đồng đồng giá, phân công nhiệm vụ, triển khai kế hoạch.

3. Thu thập và xử lý phân tích các minh chứng

- Thời điểm thu thập minh chứng: Cuối tháng 5 năm 2023 các tổ, nhóm công tác tiến hành thu thập minh chứng

- Hiện tại công tác thu thập minh chứng năm 2022 – 2023 đã hoàn thành.

4. Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí.

Thời điểm thực hiện các tiêu chí: Vào cuối tháng 5 và đầu tháng 6 năm 2023, so với kế hoạch tự đánh giá đảm bảo.

5. Viết báo cáo tự đánh giá

- Thời điểm thực hiện từ ngày 01/5/2023 đến 29/5/2023, đúng tiến độ

6. Công bố báo cáo tự đánh giá

- Thời điểm thực hiện từ ngày 30/5/2023

- Hình thức công bố: trên hệ thống mail của nhà trường

- Đảm bảo so với kế hoạch đề ra.

7. Triển khai các hoạt động khác sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá

- Tiếp nhận ý kiến phản hồi từ Hội đồng sư phạm nhà trường

- Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung báo cáo

- Thông qua báo cáo đã chỉnh sửa

- Đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng

- Gửi báo cáo tự đánh giá lên cấp trên

- Lưu trữ báo cáo và các minh chứng

- Tổ chức thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng

III. Thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng đề ra

1. Căn cứ thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng

- Báo cáo tự đánh giá năm học 2022-2023

2. Những kế hoạch cải tiến chất lượng đã thực hiện

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Nội dung kế hoạch đã thực hiện
1	1.3	Tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp có nhiều hình thức tổ chức phong phú, hấp dẫn để lôi cuốn học sinh tham gia; nâng cao chất lượng dạy học. Tiếp tục tổ chức học tập, rèn luyện luyện kỹ năng sống
1	1.7	Thường xuyên theo dõi, cập nhật, sắp xếp thông tin vào sổ công văn đầy đủ
2	2.1	Cán bộ quản lý cần tăng cường việc tự học và sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp để phục vụ cho quá trình công tác.
2	2.2	Vận động, nhắc nhở và tạo mọi điều kiện giáo viên đăng ký tham gia học đạt chuẩn theo quy định.
3	4.1	Giữ mối liên hệ chặt chẽ với phụ huynh, huy động cả xã hội vào công tác giáo dục, Làm tốt công tác xã hội hóa, xây dựng cả xã hội học tập
5	5.1	Tăng cường chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công phụ đạo học sinh yếu. Đồng thời cử giáo viên tham gia tập huấn bồi dưỡng cho giáo viên toàn trường một số các kĩ năng trong hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi.

3. Những kế hoạch cải tiến chất lượng chưa thực hiện được hoặc không thực hiện

* Các tiêu chí ở mức 4

1	Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục	Tình hình thực tế của nhà trường chưa thể thực hiện
2	Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu	Cơ sở vật chất hiện tại nhà trường không thể



	hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.	đáp ứng
3	Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.	Cơ sở vật chất hiện tại nhà trường không thể đáp ứng
4	Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường	Thực hiện nhưng chưa hoàn thành.

IV. Những thuận lợi, khó khăn, hạn chế và nguyên nhân; kiến nghị, đề xuất.

1. Đối với công tác tự đánh giá

Sau khi nhận văn bản hướng dẫn của phòng Giáo dục và Đào tạo nhà trường đã chủ động triển khai kế hoạch và thực hiện nghiêm theo văn bản hướng dẫn về công tác kiểm định, về cơ bản đến thời điểm hiện tại công tác kiểm định năm học 2022-2023 đã hoàn thành tuy nhiên bên cạnh đó còn một số tồn tại:

- Việc mã hóa minh chứng đôi lúc còn nhầm lẫn; phần kế hoạch cải tiến chất lượng chưa hoàn thiện so với điều kiện thực tế của đơn vị, của địa phương.

- Việc thu thập minh chứng chưa hoàn thiện

*** Kiến nghị, đề xuất**

- Đối với Phòng GD&ĐT: Tổ chức tập huấn, hướng dẫn thêm cho đội ngũ làm công tác kiểm định ở các đơn vị trường học.

- Đối với nhà trường: Các nhóm phải tự chủ động, tích cực trong quá trình thực hiện nhiệm vụ

- Đối với Hội đồng kiểm định và các nhóm công tác: Phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên trong Hội đồng, tăng cường công tác giám sát kiểm tra và tạo điều kiện tốt nhất để các thành viên hoàn thành nhiệm vụ.

2. Đối với việc thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng

- Đối với Phòng GD&ĐT: Tham mưu với UBND thành phố bổ sung biên chế giáo viên cho nhà trường để hoàn thành tốt nội dung chương trình giáo dục, xây dựng thêm phòng học để đảm bảo học sinh sĩ số học sinh/lớp đúng quy định.

- Đối với nhà trường: Có văn bản tham mưu cấp trên về biên chế giáo viên. Xin chủ trương xây dựng thêm phòng học, phòng bộ môn....

V. Thời điểm đăng ký đánh giá ngoài

Hiện tại nhà trường đã có Quyết định đạt kiểm định chất lượng mức độ 2 và Quyết định công nhận lại trường chuẩn quốc gia mức độ 1 vào tháng 5/2023. Đến năm học 2028-2029 nhà trường đăng ký đánh giá ngoài để đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận lại trường chuẩn Quốc gia.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT (báo cáo);
- Chi bộ (chỉ đạo);
- Lưu VT, HSKĐ.

TM. HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Lê Thị Bạch Tuyết

Hiệu trưởng trường THThăng Long



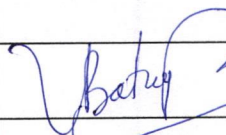
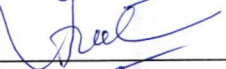

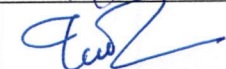
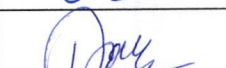
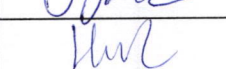

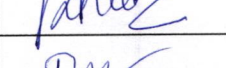
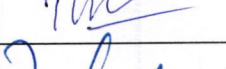
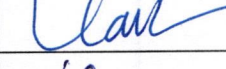
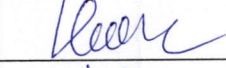

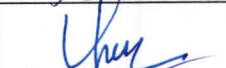
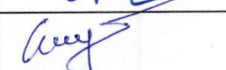
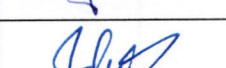
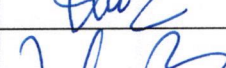
PHÒNG GD&ĐT THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TRƯỜNG TIỂU HỌC THẮNG LONG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐẮK NÔNG - 2023



**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Lê Thị Bạch Tuyết	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Nguyễn Thị Thu Huệ	Phó hiệu trưởng	Phó CTHĐ	
3	Trần Thị Hương	Giáo viên -CTCD	Thư ký HĐ	
4	Nguyễn Thị Tình	GV - BTĐTN	Ủy viên HĐ	
5	Đình Hải Đoàn	GV - TTT 1	Ủy viên HĐ	
6	Vũ Thị Huyền	GV - TTT 2	Ủy viên HĐ	
7	Phùng Thị Phụng	GV - TTT 3	Ủy viên HĐ	
8	Nguyễn Thị Đoàn Thư	GV - TTT 4	Ủy viên HĐ	
9	Nguyễn Thị Lan Anh	GV - TTT 5	Ủy viên HĐ	
10	Trần Thị Mỹ Hiền	TV-TB	Ủy viên HĐ	
11	Nguyễn Thị Xuân lan	GV - TTTBM	Ủy viên HĐ	
12	Nguyễn Thị Thái	Kế toán	Ủy viên HĐ	
13	Võ Thị Huyền Trang	VT-TQ-TTTVP	Ủy viên HĐ	
14	Vũ Thị Kim Thơ	Giáo viên	Ủy viên HĐ	
15	Lê Thị Khuyên	GV - PBTĐTN	Ủy viên HĐ	
16	Nguyễn Thị Hồng Quyên	GV - TPTĐ	Ủy viên HĐ	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	6
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	8
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	15
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	18
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	18
Tiêu chuẩn 1	18
Mở đầu	18
Tiêu chí 1.1	1818
Tiêu chí 1.2	2020
Tiêu chí 1.3	22
Tiêu chí 1.4	25
Tiêu chí 1.5	27
Tiêu chí 1.6	28
Tiêu chí 1.7	30
Tiêu chí 1.8	3232
Tiêu chí 1.9	33
Tiêu chí 1.10	35
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	3737
Tiêu chuẩn 2	38

GIÁ
 RƯỜ
 U H
 AN
 10

Mở đầu	38
Tiêu chí 2.1	38
Tiêu chí 2.2	39
Tiêu chí 2.3	41
Tiêu chí 2.4	43
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	44
Tiêu chuẩn 3	45
Mở đầu	45
Tiêu chí 3.1	45
Tiêu chí 3.2	46
Tiêu chí 3.3	48
Tiêu chí 3.4	49
Tiêu chí 3.5	50
Tiêu chí 3.6	52
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	54
Tiêu chuẩn 4	54
Mở đầu	54
Tiêu chí 4.1	54
Tiêu chí 4.2	56
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	58
Tiêu chuẩn 5	58
Mở đầu	58
Tiêu chí 5.1	59
Tiêu chí 5.2	6060
Tiêu chí 5.3	63

Tiêu chí 5.4	64
Tiêu chí 5.5	65
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	66
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	67
Tiêu chí 1	67
Tiêu chí 2	68
Tiêu chí 3	68
Tiêu chí 4	69
Tiêu chí 5	69
<i>Kết luận</i>	70
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	70
Phần IV. PHỤ LỤC	71

NG
IG
ON
ON
ST

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Cụm từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1	✓	Mặc nhiên đạt mức 3 khi tiêu chí đạt mức 2.
2	BCH	Ban chấp hành
3	BGD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
4	BGH	Ban Giám hiệu
5	BTCB	Bí thư chi bộ
6	BTCĐ	Bí thư chi đoàn
7	CBGVNV	Cán bộ giáo viên nhân viên
8	CBQL	Cán bộ quản lý
9	CBVC	Cán bộ viên chức
10	CĐSP	Cao đẳng sư phạm
11	CĐV	Công đoàn viên
12	CMHS	Cha mẹ học sinh
13	CNH-HĐH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
14	CTCĐ	Chủ tịch công đoàn
15	CTHĐTQ	Chủ tịch hội đồng tự quản
16	ĐHSP	Đại học sư phạm
17	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
18	GVBM	Giáo viên bộ môn
19	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
20	HĐNGLL	Hoạt động ngoài giờ lên lớp
21	HĐSP	Hội đồng sư phạm
22	HĐXH	Hoạt động xã hội
23	KĐCL	Kiểm định chất lượng

24	KNS	Kỹ năng sống
25	PCGD	Phổ cập giáo dục
26	PCTHĐTQ	Phó chủ tịch hội đồng tự quản
27	SGK	Sách giáo khoa
28	TBDH	Thiết bị dạy học
29	TDTT	Thẻ dực thể thao
30	TNTP	Thiếu niên tiên phong
31	TPT	Tổng phụ trách
32	TPTĐ	Tổng phụ trách đội
33	UBND	Ủy ban nhân dân
34	V	Mặc nhiên đạt mức 3 khi tiêu chí đạt mức 2
35	XHH	Xã hội hóa



TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	✓
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	✓
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	✓
Tiêu chí 1.8		X	X	✓
Tiêu chí 1.9		X	X	✓
Tiêu chí 1.10		X	X	✓
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	X

Tiêu chí 3.4		X	X	✓
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	✓
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 2

1.2.Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5	X		

Kết quả: Không đạt Mức 4

2.Kết luận: Trường đạt mức 2

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): TRƯỜNG TIÊU HỌC THĂNG LONG

Tên trước đây (nếu có):

Cơ quan chủ quản: Phòng GD&ĐT Thành phố Gia Nghĩa

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	ĐẮK NÔNG	Họ và tên hiệu trưởng	Lê Thị Bạch Tuyết
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Thành phố Gia Nghĩa	Điện thoại	0984346004
Xã / phường/thị trấn	Phường Nghĩa Trung	Fax	
Đạt CQG	Đạt mức 1	Website:C1thanglong.pgd.gianghia.edu.vn	
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2009	Số điểm trường	
Công lập	√	Loại hình khác	
Tư thục		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Khối lớp 1	6	5	5	5	5

Khối lớp 2	6	6	5	5	5
Khối lớp 3	4	5	6	5	5
Khối lớp 4	4	4	5	5	5
Khối lớp 5	4	4	3	4	5
Cộng	24	24	24	24	25

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	25	25	25	25	26	
1	Phòng học	24	24	24	24	25	
a	Phòng kiên cố	24	24	24	24	25	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	1	1	1	1	1	
a	Phòng kiên cố	1	1	1	1	1	

b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	0	0	0	0	0	
a	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính- quản trị	6	6	6	6	6	
1	Phòng kiên cố	6	6	6	6	6	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	1	1	1	1	1	

IV	Các công trình, khôi phục chức năng khác (nếu có)	3	3	3	3	3	
	Cộng	34	34	34	34	35	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	
Giáo viên	31	31	0	0	1	30	
Nhân viên	4	3	0	1	1	2	
Cộng	37	36	0	0	2	34	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2022-2023
1	Tổng số giáo viên	28	30	29	30	31
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1.16	1.25	1,2	1,25	1,24
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0.034	0.031	0,029	0,028	0,029

4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	7	7	6	6	6
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	4	4	4	5	4
6	GV TPTĐ Giỏi cấp thành phố					1
7	GV chủ nhiệm giỏi cấp thành phố					2

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	907	938	973	1053	1047	
	- Nữ	420	432	430	477	465	
	- Dân tộc	68	71	73	79	73	
	- Khối lớp 1	236	217	213	223	198	
	- Khối lớp 2	205	224	210	208	221	
	- Khối lớp 3	135	197	220	214	206	
	- Khối lớp 4	166	136	195	215	210	
2	Tổng số tuyển mới	232	210	209	220	197	
	Học 2 buổi/ngày	907	938	973	0	0	
4	Bán trú	710	740	770	0	600	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp	37.75	39	40.5	44	42	

7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	882	915	956	1032	1023	
	- Nữ	410	426	425	476	1015	
	- Dân tộc thiểu số	68	71	73	79	73	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	0	0	0	0		
9	Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có)	0	0	0	0		
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	1	8	0	0		
	- Nữ	1	5	0	0		
	- Dân tộc thiểu số	1	0	3	0		
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0		
	Các số liệu khác (nếu có)						

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	100	100	100	100	100	

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	99.2	99.5	94.5	99,5	99,5	
Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100	100	97,77	98,46	99%	
Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	0	0	0	0	0	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trường tiểu học Thăng Long được thành lập theo quyết định số 315 ngày 25 tháng 6 năm 2009 của UBND thị xã Gia Nghĩa. Trường nằm trên địa bàn tổ dân phố 4, phường Nghĩa Trung, diện tích được quy hoạch là 9866m² với địa thế, cảnh quan, khuôn viên thoáng mát, môi trường xanh - sạch - đẹp, đây là món quà tặng vô cùng có ý nghĩa được lãnh đạo và nhân dân thành phố Hà Nội xây dựng và tài trợ. Để đáp ứng số học sinh ngày càng tăng, năm 2015 Ủy ban nhân dân thị xã Gia Nghĩa đã đầu tư xây dựng thêm 8 phòng học mới. Nhà trường đã được UBND tỉnh Đắk Nông công nhận trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia Mức độ I (tháng 7/2012) và được công nhận lại vào tháng 6/2017.

Xác định đúng đắn trọng trách lãnh đạo của mình, trong các năm qua, Chi bộ đã chỉ đạo nhà trường chú trọng xây dựng được đội ngũ giáo viên tương đối đồng đều về chuyên môn, nghiệp vụ. Hằng năm có giáo viên tham gia hội thi giáo viên giỏi cấp thị, cấp tỉnh và đạt được các thành tích cao. Chất lượng giáo dục hàng năm được nâng cao, số lượng học sinh Hoàn thành xuất sắc ngày càng tăng. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học luôn đạt 100%, tỷ lệ học sinh lên lớp luôn đạt trên 99%, chất lượng giáo dục đại trà ổn định và giữ vững. Năm học 2022-2023, trường có 37 CB- GV- CNV trong đó CBQL 02 đồng chí, có 31 giáo viên (trong đó có 01 Tổng phụ trách đội). Nhân viên 04 đồng chí trong đó có 3 đồng chí đều đạt trình độ chuẩn và 01 nhân viên bảo vệ (Hợp đồng 68). Tổng số học sinh là 1050 em được chia thành 25 lớp. Trường có chi bộ Đảng gồm 29 Đảng viên, Chi bộ giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo các hoạt động của nhà trường. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên. Hội cha mẹ học sinh đều hoạt động tích cực, góp phần đưa nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, “Mỗi thầy cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” trường TH Thăng Long luôn quan tâm đến công tác nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, tích cực tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá đối với học sinh. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học nhằm nâng cao hiệu quả giờ dạy. Thực hiện nghiêm túc chương trình, kế hoạch giảng dạy, các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Đến nay, trường đã có 100% giáo viên soạn bài bằng máy tính và hầu hết các giáo viên có thể thực hiện dạy học bằng bài giảng điện tử. Nhà trường xác định, trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giáo dục giữ một vị trí quan trọng trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần vào việc xây dựng một nền kinh tế tri thức. Để đáp ứng với xu thế hội nhập của ngành giáo dục và sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, chính quyền địa phương, sự tin yêu của nhân dân địa phương. Chính vì vậy, trong năm học 2022-2023 và những năm học tiếp theo, cùng với việc đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra

đánh giá, bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ giáo viên, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy và học, nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên. Ban lãnh đạo nhà trường đã phổ biến Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và các văn bản liên quan khác đến cán bộ giáo viên, phụ huynh, học sinh toàn trường. Qua đó cán bộ giáo viên, phụ huynh và học sinh nhà trường đã có nhận thức đúng đắn về mục đích của việc tự đánh giá. Trên cơ sở thông suốt về mặt nhận thức, nhà trường đã triển khai việc tự đánh giá chất lượng trong toàn trường. Nhà trường đã xác định tự đánh giá chất lượng giáo dục trong Kiểm định chất lượng giáo dục sẽ tạo bước chuyển biến lớn về chất lượng giáo dục của nhà trường. Nhà trường sẽ xác định được hiện trạng, những điểm mạnh, điểm yếu, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo từng tiêu chí. Từ đó, nhà trường cam kết, từng bước phấn đấu thực hiện các biện pháp cải tiến để nâng cao chất lượng giáo dục. Mục đích của tự đánh giá: Nhà trường tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành. Nhằm xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn của nhà trường, thông báo công khai với các cơ quan quản lý giáo dục về thực trạng chất lượng giáo dục, để Sở GD&ĐT tỉnh Đắk Nông đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn, từ đó không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Về phạm vi tự đánh giá: Đánh giá toàn bộ các hoạt động của nhà trường theo 28 tiêu chuẩn được quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về việc Ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.

Về phương pháp và công cụ đánh giá: Để tiến hành tự đánh giá, nhà trường đã căn cứ vào Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về việc Ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, thông tư theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc xác định yêu cầu, gợi ý tìm minh chứng theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường tiểu học và trường trung học, hướng dẫn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 22 tháng 8 năm 2018 về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên làm công cụ đánh giá.

Để thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục đạt hiệu quả, nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục gồm 16 thành viên với đầy đủ các thành phần: Cấp ủy chi bộ, Ban giám hiệu, tổ trưởng tổ chuyên môn, trưởng

các tổ chức, đoàn thể trong trường. Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng thành viên theo chức năng, năng lực mỗi ủy viên. Đồng thời, thành lập các nhóm công tác và nhóm thư kí, mỗi nhóm công tác do một thành viên Hội đồng tự đánh giá làm nhóm trưởng. Tất cả các bước trên đều được thực hiện đúng Hướng dẫn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 22 tháng 8 năm 2018 về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và đảm bảo tính dân chủ, công khai, khoa học.

Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG, công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; phân công; dự thảo kế hoạch TĐG.

Xây dựng kế hoạch triển khai công tác kiểm định tại đơn vị. Xây dựng kế hoạch công tác tự đánh giá cơ sở trường. Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường;

Tổ chức Hội thảo về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai TĐG cho các thành viên của Hội đồng TĐG, giáo viên và nhân viên;

Hoàn thành cơ sở dữ liệu

Chuẩn bị đề cương báo cáo TĐG;

Thu thập thông tin và minh chứng;

Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được;

Các cá nhân, nhóm chuyên trách hoàn thiện các Phiếu đánh giá tiêu chí;

Họp Hội đồng TĐG: Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; Xác định nhu cầu thu thập thông tin bổ sung; Điều chỉnh đề cương báo cáo TĐG và xây dựng đề cương chi tiết;

Họp Hội đồng TĐG. Thông qua đề cương chi tiết báo cáo TĐG; Kiểm tra lại thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG;

Hoàn thiện báo cáo TĐG;

Họp Hội đồng TĐG để thông qua bản báo cáo TĐG đã sửa chữa; Công bố báo cáo TĐG trong nội bộ nhà trường và thu thập các ý kiến đóng góp;

Xử lý các ý kiến đóng góp và hoàn thiện bản báo cáo TĐG

Công bố bản báo cáo TĐG đã hoàn thiện trong nhà trường;

Báo cáo được trình bày lần lượt từng tiêu chí của từng tiêu chuẩn. Mỗi tiêu chí đều được mô tả rõ ràng, cụ thể hiện trạng của nhà trường cần đạt được trong mỗi tiêu chí. Sau khi mô tả hiện trạng, báo cáo TĐG còn nêu ra những điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường và kế hoạch cải tiến chất lượng trong từng tiêu chí, tuy ngắn gọn nhưng rõ ràng và có tính khả thi. Sau một thời gian làm việc đầy tâm huyết và trách nhiệm, công tác TĐG của trường đã cơ bản thành công. Đây là sự kiện đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp phát triển giáo dục của nhà trường, của địa phương, là nền tảng vững chắc để nhà trường đăng ký kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục trong thời gian tới.



B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Tiểu học Thăng Long được UBND thị xã Gia Nghĩa thành lập theo Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2009 của UBND thị xã Gia Nghĩa. Trường nằm trên địa bàn tổ dân phố 4, phường Nghĩa Trung, trường có 01 điểm chính.

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, UBND, nền kinh tế của địa bàn từng bước phát triển, an ninh quốc phòng được giữ vững, đời sống nhân dân cũng từng bước được nâng lên. Công tác huy động trẻ đến trường hàng năm đều đạt chỉ tiêu, hạn chế được tình trạng lưu ban, bỏ học. Chất lượng GD được từng bước nâng lên. Tổng số CB, GV, NV của trường 36, với tổng số lớp là 25 học sinh 1047 em.

Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo đúng quy định trong Điều lệ trường Tiểu học. Trường có đầy đủ CB quản lý theo quy định và thành lập đầy đủ các Hội đồng như: Hội đồng trường; Hội đồng Thi đua-Khen thưởng; Hội đồng Chấm Sáng kiến kinh nghiệm; có Chi bộ Đảng với tổng số 27 đảng viên; có tổ chức Công đoàn với 34 đoàn viên; có Liên đội phụ trách các chi đội và Sao nhi đồng; BDDCMHS của trường được thành lập và hoạt động đúng quy định. Trường thành lập 6 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Cơ cấu tổ chức của các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đảm bảo và hoạt động hiệu quả. CN-GV-NV nhà trường đều nâng cao tinh thần tự giác, tích cực thực hiện tốt nhiệm vụ từng năm học, chấp hành đầy đủ, đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phong trào tự học tập, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề được chú trọng. Nhà trường thực hiện và lưu trữ đầy đủ hồ sơ, văn bản đúng quy định. Thường xuyên phát động và tổ chức nhiều phong trào thi đua dạy tốt-học tốt ở GV và HS. Trong quá trình chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, nhà trường luôn tạo mọi điều kiện đảm bảo an toàn cho CB-GV-NV và HS của trường. Nhìn chung, nhà trường đã thực hiện đầy đủ các quy định về công tác tổ chức và quản lý trường học.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các

phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã xây dựng Phương hướng, chiến lược và phát triển nhà trường giai đoạn 2018-2023 phù hợp mục tiêu giáo dục phổ thông được quy định tại Luật giáo dục (Điều 27 Văn bản hợp nhất Luật giáo dục số 07/VBHN-VPQH ngày 31 tháng 12 năm 2015), định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn (dài hạn, trung hạn, ngắn hạn) và các nguồn lực của nhà trường, được phòng GD&ĐT thị xã (nay là thành phố) Gia nghĩa phê duyệt, được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại bảng thông báo [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]

Văn bản phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cấp có thẩm quyền phê duyệt

Được công bố công khai bằng niêm yết tại bảng thông báo của nhà trường.

Mức 2:

Từ năm học 2019-2020 đến nay, Hội đồng trường, Ban Thanh tra nhân dân luôn có kế hoạch giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2018-2023. Hội đồng trường, Ban Thanh tra nhân dân đã giám sát hoạt động của các tổ chức, cá nhân; việc thực hiện các nhiệm vụ phổ cập giáo dục tiểu học; xây dựng cơ sở vật chất; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giám sát việc công khai kết quả thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H1-1.1-03]

Mức 3:

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2018-2023 được xây dựng lần đầu vào năm 2018. Hằng năm, nhà trường đã thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh Chiến lược để phù hợp với tình hình thực tế trong từng giai đoạn. Chủ tịch Hội đồng trường là trưởng ban biên soạn phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Các thành viên trong ban biên soạn là thành viên Hội đồng trường, cán bộ quản lý, tổ trưởng các tổ chuyên môn, tổ văn phòng. Giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh tham gia đóng góp ý kiến để hoàn thiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường từ đó xây dựng

kế hoạch cụ thể cho từng năm học để phù hợp chiến lược của nhà trường [H1-1.1-04]

2. Điểm mạnh

Ban Giám hiệu là một tập thể đoàn kết, có tầm nhìn khoa học, sáng tạo. Trong công tác chỉ đạo, điều hành luôn chủ động có kế hoạch cụ thể, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

Là một tập thể đoàn kết, đa phần giáo viên nhiệt tình, có trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nhà trường, mong muốn nhà trường phát triển, chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

Công tác tổ chức triển khai kiểm tra đánh giá sâu sát, thực chất và đổi mới. Khi thực hiện điều chỉnh kế hoạch kịp thời sát với thực tế. Được sự tin tưởng của các cấp

3. Điểm yếu

Một số thành viên Hội đồng giám sát thiếu tính chủ động trong công tác lập kế hoạch và triển khai việc thực hiện các hoạt động giám sát. Đôi lúc tinh thần trách nhiệm chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tăng cường đề ra các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Tiếp tục nâng cao nhận thức và trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý và phụ trách các Hội đồng giáo dục thông qua các đợt tập huấn và chương trình tự học tự bồi dưỡng. Làm tốt công tác tuyên truyền, đôn đốc các thành viên trong Hội đồng giám sát nâng cao tinh thần trách nhiệm, chủ động trong việc lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giám sát phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đạt hiệu quả cao hơn.

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hội đồng trường được UBND TP ra quyết định thành lập đúng theo quy định Điều 10 Điều lệ trường tiểu học. Bí thư Chi bộ làm Chủ tịch Hội đồng trường. Cơ cấu của Hội đồng trường gồm: đại diện Chi bộ, BGH, đại diện Công đoàn, đại diện Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, đại diện Tổ chuyên môn và Tổ Văn phòng. Hội đồng trường được thành lập và hoạt động với nhiệm kỳ 5 năm theo đúng Điều lệ trường Tiểu học [H1-1.2-01]

Ngoài Hội đồng trường được PGD&ĐT ra Quyết định thành lập thì các Hội đồng giáo dục trong nhà trường được Hiệu trưởng thành lập và hoạt động nghiêm túc theo đúng quy định của ngành như: Hội đồng thi đua khen thưởng [H1-1.2-02] Hội đồng tư vấn . Mỗi Hội đồng đều có quyết định thành lập quy định rõ cơ cấu tổ chức, thành phần, chức năng nhiệm vụ,...theo đúng quy định của Điều lệ trường Tiểu học.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng trường, cụ thể:

Quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, các dự án, kế hoạch phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn và từng năm học;

Quyết nghị về quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường [H1-1.2-03]

Giám sát các hoạt động của nhà trường; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường [H1-1.2-04].

Nhiều năm qua Hội đồng trường đã hoạt động đạt hiệu quả cao góp phần vào sự đi lên vững chắc của đơn vị, nhiều năm liền nhà trường được công nhận tập thể Lao động Xuất sắc, được UBND tỉnh tặng Bằng khen, cờ thi đua.... [H1-1.2-05]

Các hoạt động định kỳ được tổ chức họp, đánh giá, rà soát và điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường [H1-1.2-04]

Mức 2:

Nhiều năm qua Hội đồng trường đã hoạt động đạt hiệu quả cao góp phần vào sự đi lên vững chắc của đơn vị [H1-1.2-05]

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các Hội đồng khác được thành lập đầy đủ, các thành viên trong Hội đồng đều có tinh thần trách nhiệm cao, đoàn kết, gương mẫu trong công tác.

Các thành viên trong Hội đồng trường đều là cán bộ nòng cốt ở các tổ chuyên môn và các tổ chức Chi bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên. 100% các thành viên trong hội đồng đều có trình độ đạt chuẩn trở lên.

Thành viên Hội đồng trường được bố trí đều ở các tổ chức và các tổ chuyên môn nên chức năng giám sát thực hiện Nghị quyết được tiến hành tốt, kịp thời.

3. Điểm yếu

Năng lực tổ chức của các thành viên trong Hội đồng chưa đồng đều nên chưa có nhiều ý kiến đóng góp vào nghị quyết của Hội đồng.

Thời gian tham gia công tác giám sát của một số thành viên còn hạn chế nên hiệu quả giám sát chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý của các thành viên trong Hội đồng trường. Sắp xếp bố trí thời gian hợp lý cho Hội đồng trường làm việc.

Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong trường học.

Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ giữa chính quyền và Hội đồng trường.

Tổ chức tốt các Hội nghị của Hội đồng trường, tạo ra được mối quan hệ bình đẳng đoàn kết phối hợp giữa BGH và các thành viên trong Hội đồng trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có tổ chức công đoàn gồm 35 công đoàn viên, Ban chấp hành Công đoàn gồm 3 thành viên. Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng gồm tất cả 1050 học sinh trong nhà trường được chia làm 10 chi đội 15 lớp nhi đồng, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh gồm có 14 đồng chí, Hội cha mẹ học sinh gồm 5 người [H1-1.3-01];[H1-1.3-02];[H1-1.3-03]

Các tổ chức công đoàn, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội cha mẹ học sinh trong nhà trường luôn hoạt động theo quy định của Điều lệ trường tiểu học và quy định của pháp luật [H1-1.3-04]

Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh hàng tháng đều sinh hoạt định kì đúng quy định và đã thực hiện việc rà soát đánh giá các hoạt động sau mỗi học kỳ, cuối năm học thông qua các buổi sơ kết, tổng kết; Hội đồng trường tổ chức họp sau mỗi học kỳ để đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, giúp nhà trường phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm điều chỉnh các hoạt động của trường đi đúng hướng và có hiệu quả hơn. [H1-1.3-05].

Mức 2:

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định, tổng số đảng viên hiện nay của chi bộ có 29 đồng chí, có 03 đồng chí trong Cấp ủy chi bộ trong đó có 1 đồng chí là Hiệu trưởng và 01 đồng chí là Phó hiệu trưởng, đa phần các đồng chí Đảng viên đều giữ các trọng trách trong nhà trường như Chủ tịch Công đoàn, Bí thư ĐTN, Tổ trưởng các tổ chuyên môn. Chi bộ sinh hoạt đều đặn một tháng một lần để đánh giá toàn bộ hoạt động giáo dục trong nhà trường, công tác xây dựng Đảng và chỉ đạo công tác cho từng đoàn thể, từng cá nhân cán bộ, đảng viên. Từ năm 2017 đến năm 2021 chi bộ luôn đạt chi bộ HTNV, HTTNV và HTXSNV. [H1-1.3-06];[H1-1.3-07]

Công đoàn luôn chủ động tham mưu với chi bộ và phối hợp với Ban Giám hiệu trường về việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh, đồng viên đoàn viên trong lao động sư phạm. Đó thực sự là tổ chức cầu nối, là chỗ dựa cho cán bộ, giáo viên thực hiện nhiệm vụ được giao. Hàng năm, tổ chức công đoàn được Xếp loại HTT và HTXSNV được cấp trên khen thưởng[H1-1.3-08] .

Chi đoàn trường làm tốt công tác rèn luyện giáo dục đoàn viên luôn giữ vững phẩm chất chính trị lập trường tư tưởng, thường xuyên tự rèn luyện về đạo đức, lối sống. Tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn, các hoạt động phong trào do trường tổ chức, cùng với đoàn phường tham gia lao động vệ sinh khu vực xung quanh phường, tham gia Hội đua thuyền, thể dục thể thao, chăm sóc gia đình

có công với cánh mạng, được đoàn phường đánh giá cao. Đội TNTP Hồ Chí Minh xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể với những nội dung phong phú phù hợp với điều kiện của trường và địa phương. Phát động các phong trào thi đua trong học tập của học sinh, triển khai các hoạt động theo chương trình rèn luyện của đội viên. Tổ chức quyên góp quần áo cũ tặng các bạn học sinh trường TH Trần Văn Ôn, thực hiện phong trào nuôi heo đất gây quỹ giúp đỡ các bạn có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập, giao lưu và hỗ trợ kinh phí với học sinh khuyết tật, mua tấm ủng hộ người khuyết tật, ủng hộ đồng bào miền trung bị bão lụt... Hàng năm Chi đoàn được đoàn phường xếp loại HTT, HTXSNNV. Liên đội được Hội đồng đội thành phố xếp loại Vững mạnh và xuất sắc [H1-1.3-09]

Mức 3:

Trong 5 năm liền (từ năm 2017 đến năm 2021) chi bộ trường Tiểu học Thăng Long luôn đạt chi bộ “Trong sạch vững mạnh và trong sạch vững mạnh tiêu biểu” (HTNV, HTTNV, HTXSNNV) [H1-1.3-07]

Các tổ chức đoàn thể có đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường, thường xuyên phối hợp tổ chức cho giáo viên và học sinh trong các hoạt động trong nhà trường và địa phương, hàng năm đều được xếp loại HTNV, HTTNV và HTXSNNV, được tổ chức cấp trên tặng giấy khen [H1-1.3-08];H1-1.3-09]

2. Điểm mạnh

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, các tổ chức xã hội khác như Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường hoạt động theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học, quy định của pháp luật, thực hiện tư vấn, tham mưu đắc lực cho hiệu trưởng trong các hoạt động và đều được các cấp Ủy đảng, lãnh đạo nhà trường quan tâm như tạo thời gian và chỉ đạo các tổ chức trong trường phối hợp để hoạt động.

Trong các năm học qua, Chi bộ luôn thể hiện rõ vai trò lãnh đạo và là chỗ dựa tinh thần, là niềm tin lớn của tập thể cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường.

Có sự phối hợp tốt giữa nhà trường, công đoàn và các đoàn thể trong việc triển khai các hoạt động giáo dục.

Thực hiện thường xuyên việc rà soát, đánh giá sơ kết, tổng kết các hoạt động để rút ra bài học kinh nghiệm cho công tác tổ chức, quản lý nhà trường

3. Điểm yếu

Chất lượng hoạt động phong trào của Liên đội chưa đồng đều ở các chi đội.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phát huy vai trò lãnh đạo của chi bộ Đảng, sự quản lý của ban giám hiệu và các đoàn thể trong nhà trường; tăng cường công tác tự bồi dưỡng và bồi dưỡng của mỗi cán bộ giáo viên gắn với trách nhiệm công tác được giao. Luôn thực hiện rà

soát đánh giá các hoạt động của các tổ chức, các hội đồng nhằm phát huy những ưu điểm và khắc phục những tồn tại.

Luôn động viên, khuyến khích và hỗ trợ các chi đội có chất lượng hoạt động phong trào chưa thực sự hiệu quả để học sinh được phát triển toàn diện.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có một Hiệu trưởng và một Phó hiệu trưởng được Trường PGD&ĐT, Chủ tịch UBND thị xã Gia Nghĩa (nay là thành phố Gia Nghĩa) ra quyết định bổ nhiệm đúng quy định của Điều lệ trường tiểu học [H1-1.4-01]

Theo quy định Điều 14, Điều 15, TT 28/2020/TT-BGD&ĐT về ban hành Điều lệ trường tiểu học. Giáo viên, nhân viên của trường được phân thành 7 tổ, trong đó có 6 tổ chuyên môn từ tổ khối 1 đến tổ khối 5, tổ bộ môn và 1 tổ Văn phòng. Mỗi tổ có ít nhất 03 thành viên (tổ văn phòng). Nhà trường cơ cấu những giáo viên nòng cốt, chuyên môn vững vàng để đảm nhiệm nhiệm vụ tổ trưởng do Hiệu trưởng bổ nhiệm và giao nhiệm vụ vào đầu năm học [H1-1.4-02]

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều xây dựng kế hoạch hoạt động theo tuần, tháng, học kì và năm học, đều tham gia học tập bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng sinh hoạt 2 tuần một lần và tổ chức sinh hoạt khác khi có công việc cần giải quyết kịp thời. Hàng tháng, tổ chuyên môn, tổ văn phòng tiến hành sinh hoạt đánh giá chất lượng về hiệu quả hoạt động giáo dục của

các thành viên trong tổ. Các tổ đều tham gia đánh giá viên chức hàng năm. Ngoài ra tổ chuyên môn tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học, tổ văn phòng giúp hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính, tài sản trong nhà trường, tham gia đánh giá, xếp loại viên chức; giới thiệu tổ trưởng, tổ phó; lưu trữ hồ sơ nhà trường [H1-1.4-03]

Mức 2:

Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, theo Nghị quyết Hội nghị cán bộ công chức, viên chức, người lao động, và của cuộc họp sinh hoạt chuyên môn đầu năm [H1-1.4-04]

Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế của tổ, của đơn vị [H1-1.4-05]

Mức 3:

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng trong các năm qua đã phối hợp tốt với nhà trường, tổ chức đội để tổ chức thực hiện được nhiều hoạt động phong trào có ý nghĩa như: Trang trí lớp học thân thiện, múa hát sân trường, giao lưu văn nghệ, ngày hội âm thực.....các hoạt động đó đã góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động trong nhà trường [H1-1.4-05]

Hàng năm, theo quy định chuyên môn, các tổ chuyên môn đều mở ít nhất 01 chuyên đề sinh hoạt toàn trường tạo điều kiện cho việc trao đổi học hỏi kinh nghiệm chuyên môn, thông qua đó thực hiện hiệu quả các chuyên đề góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường [H1-1.4-04]

2. Điểm mạnh

Lãnh đạo nhà trường có kinh nghiệm trong công tác quản lý giáo dục, quản lý học sinh và lập kế hoạch giáo dục vì vậy chất lượng giáo dục luôn được khẳng định.

Nhà trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo đúng quy định của Điều lệ trường tiểu học. Các tổ chức hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ của mỗi tổ chức.

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng được thành lập theo đúng quy định, thuận tiện cho việc sinh hoạt trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn.

Cơ cấu tổ chức tổ và hoạt động của tổ chuyên môn đúng quy định của Điều lệ. Kế hoạch hoạt động được xây dựng một cách khoa học phù hợp với thực tế đơn vị. Hoạt động của các tổ có nề nếp, chủ động, linh hoạt và hiệu quả

3. Điểm yếu

Công tác lập kế hoạch và thực hiện báo cáo của các tổ khối và các thành viên trong tổ đôi lúc còn chậm và có sai sót.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn; tích cực đổi mới phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng dạy học; xây dựng quy chế làm việc thật sự khoa học. Tổ trưởng các tổ tích cực đôn đốc các thành viên hoàn thành công việc đúng thời gian quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

- a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;
- b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;
- c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Số lượng học sinh toàn trường được chia thành 5 khối lớp từ lớp 1 đến lớp 5, được phân thành 25 lớp, 25 lớp đều được tổ chức học 7-8 buổi/tuần [H1-1.5-01];[H1-1.5-02].

Học sinh được tổ chức theo lớp học. Lớp học có lớp trưởng và các lớp phó, được chia thành các tổ, mỗi tổ có tổ trưởng do tập thể học sinh bầu trong năm học [H1-1.5-03];[H1-1.5-04];[H1-1.5-05].

Nhà trường luôn tạo điều kiện cho học sinh hoạt động theo nguyên tắc tự quản, tự chủ thông qua các tiết học và các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các em học sinh được tổ chức học nhóm, được tham gia nhận xét, đánh giá bạn, khuyến khích HS tham gia tích cực vào các hoạt động của lớp, của trường, phát triển tính tự chủ, sự tôn trọng, bình đẳng, tinh thần hợp tác và đoàn kết của HS [H1-1.5-06]

Mức 2:

Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp. Tính đến thời điểm đánh giá toàn trường có 25 lớp

Khối 1 có 05 lớp với 202 học sinh; khối 2 có 05 lớp với 220 học sinh; khối 3 có 05 lớp với 206 học sinh; khối 4 có 05 lớp với 209 học sinh; khối 5 có 5 lớp với 201 học sinh. Sĩ số học sinh trung bình mỗi lớp 42 học sinh/lớp [H1-1.5-01];[H1-1.5-02]

Nhà trường tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục như: dạy học trong lớp, ngoài lớp; tổ chức hoạt động nhóm ngẫu

nhiên (nhóm 2, nhóm 4 hoặc nhóm 6), các hoạt động trò chơi, kể chuyện, hò vè để mở đầu các bài học, các hoạt động.....[H1-1.5-06]

2. Điểm mạnh

Đầu năm học giáo viên chủ nhiệm tổ chức cho học sinh bầu ban cán sự lớp gồm có: lớp trưởng, các lớp phó và chia làm nhiều tổ trong một lớp, quy trình bầu dân chủ, tự nguyện do các em học sinh tự đứng ra tổ chức, tự điều hành và phục vụ lợi ích học tập, giáo dục cho chính các em.

Nhà trường sắp xếp thời khóa biểu đan xen giữa các hoạt động giáo dục với các môn học khác nhau để tạo hứng thú và động cơ học tập cho học sinh, tạo điều kiện cho học sinh học các môn tự chọn theo nhu cầu của học sinh.

3. Điểm yếu

Sĩ số học sinh trong một lớp tương đối đông. Một số học sinh chưa mạnh dạn, tự tin trước lớp. Các em học sinh lớp 1,2 chưa thực sự có ý thức tự quản.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Đối với các lớp học sinh còn nhỏ GVCN phải tăng cường hướng dẫn dìu dắt quán xuyên lớp nhiều hơn, hướng dẫn cho các em có tính tự lập trong một số công việc của lớp.

Phát huy tinh thần tự giác và ý thức trách nhiệm của học sinh trong hoạt động tự quản.

Phát động phong trào thi đua học tập và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ thông qua nội dung sinh hoạt của tổ chức Đội Thiếu niên và Sao Nhi đồng: “Đôi bạn học tốt”, “Nhóm học vui”... Tham mưu với cấp trên xây dựng thêm phòng học...

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

Nhà trường thực hiện lưu trữ đầy đủ các loại hồ sơ phục vụ hoạt động giáo dục theo đúng quy định như: sổ đăng bộ; học bạ của học sinh; sổ nghị quyết; hồ sơ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên; hồ sơ thi đua khen thưởng; sổ quản lý tài sản, tài chính; sổ quản lý các văn bản, sổ đăng kí công văn đi, sổ đăng kí công văn đến,.... [H1-1.6-01]

Hàng năm, nhà trường đều lập dự toán tài chính và được Phòng GD-ĐT phê duyệt, có đầy đủ chứng từ thu, chi, quyết toán tài chính hàng năm; có báo cáo tài chính, tài sản theo quy định của Nhà nước [H1-1.6-02].

Tất cả các nguồn kinh phí huy động đều được công khai rõ ràng về nguồn thu và mục đích sử dụng trước tập thể CBGVNV, học sinh và CMHS, có quy chế chi tiêu nội bộ rõ ràng, được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế được thông qua và lấy ý kiến biểu quyết trong Hội nghị cán bộ công chức đầu năm [H1-1.6-03]. Thực hiện công khai tài chính theo quy định để CBGVNV biết và tham gia giám sát, kiểm tra bằng hình thức phổ biến trong Hội đồng sư phạm và niêm yết tại bảng thông tin nhà trường, thời gian theo từng quý. Định kỳ thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.6-04].

Mức 2:

Nhà trường cập nhật đầy đủ danh sách học sinh và quản lý trên hệ thống thông tin giáo dục của Sở Giáo dục và Đào tạo vào đầu năm học (<http://c1.hcm.edu.vn>). Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường như: sử dụng phần mềm Misa; Sử dụng phần mềm EQMS (CSDL), phần mềm PCGD, phần mềm QLTS..... trong công tác báo cáo số liệu, thống kê chất lượng giáo dục tiểu học hàng năm đảm bảo chính xác, kịp thời [H1-1.6-05].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.6-04].

Mức 3:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và thực tế địa phương [H1-1.6-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ hệ thống hồ sơ theo quy định của Điều lệ trường tiểu học và được lưu trữ theo Luật lưu trữ.

Công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường theo đúng quy định, đúng mục đích, có hiệu quả góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động trong nhà trường.

Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin tương đối hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.

3. Điểm yếu

Kế hoạch dài hạn, trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp cho nhà trường đôi lúc chưa thật sự mang lại hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, tài sản theo đúng quy định của Nhà nước. Thường xuyên tự kiểm tra và công khai tài chính, tài sản theo định kỳ hàng tháng, hàng quý.

Xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn thiết thực để huy động được các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và tình hình thực tế của địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Kế hoạch nhà trường đã xây dựng một cách toàn diện nội dung bồi dưỡng giáo viên: về lý luận chính trị, thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018 và phương pháp dạy học cho tất cả cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường [H1-1.7-01].

Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý phù hợp với năng lực, sở trường công tác đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường. Tổ chức đánh giá sơ kết, tổng kết, xếp loại thi đua hằng năm..... Qua đó

cho thấy hiệu quả quản lý giáo dục được nâng lên rõ nét qua các học kỳ [H1-1.7-02].

Trường đảm bảo các quyền lợi về: thời gian làm việc; định mức tiết dạy; chế độ giảm định mức tiết dạy đối với giáo viên kiêm nhiệm qua việc sắp xếp giáo viên dạy đúng, đủ số tiết; giải quyết nghỉ phép và các chế độ lương phụ cấp khác của giáo viên nhân viên đúng quy định, thực hiện việc xét nâng lương theo định kì [H1-1.7-03].

Nhà trường luôn thực hiện công tác quy hoạch, quy trình đề nghị cấp trên bổ nhiệm cán bộ quản lý đúng quy định đảm bảo tốt quyền lợi cho đội ngũ [H1-1.7-04].

Mức 2:

Nhà trường luôn có các kế hoạch hoạt động cụ thể nhằm phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng và phát triển nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. Mỗi tổ khối đều xây dựng các kế hoạch hoạt động riêng của tổ và được Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng nhà trường kiểm duyệt. Khi thực hiện luôn chủ động điều chỉnh kế hoạch kịp thời sát với thực tế [H1-1.1-03] ; [H1-1.4-03].

Ban Giám hiệu tổ chức dự giờ, thăm lớp thường xuyên, trực tiếp trò chuyện với giáo viên để nắm bắt tình hình cụ thể, chính xác qua đó phát hiện những điểm mạnh và điểm yếu của giáo viên để có kế hoạch bồi dưỡng cho giáo viên [H1-1.7-05].

2. Điểm mạnh

Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hằng năm.

Mọi kế hoạch đều được chủ động đề ra và thực hiện có hiệu quả. Đa phần các thành viên trong nhà trường đều nghiêm túc thực hiện theo kế hoạch, tự giác và có tinh thần trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ. Công tác đánh giá, kiểm điểm, rút kinh nghiệm được thực hiện thường xuyên, công bằng và khách quan. Các đồng chí cán bộ, giáo viên, công nhân viên rất tôn trọng ý kiến phê bình và nghiêm túc tiếp thu.

Nhà trường đã tổ chức có chất lượng tốt các buổi sinh hoạt chuyên môn. Qua Hội thảo, những sai sót tồn tại sẽ được kiểm tra và bổ sung kịp thời.

Công tác dự giờ thăm lớp được các tổ chuyên môn tiến hành thường xuyên.

Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ về quản lý, có văn bản phân công cụ thể cho từng giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ quản lý hoạt động giáo dục và quản lý học sinh; Hiệu trưởng thường xuyên theo dõi hiệu quả các hoạt động giáo dục, quản lý học sinh của từng giáo viên, nhân viên; Sau mỗi học kỳ đều có đánh giá sơ kết và rút kinh nghiệm.

Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu

Một số đồng chí lớn tuổi nên việc bồi dưỡng còn gặp khó khăn, đặc biệt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác bồi dưỡng thường xuyên còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, Ban giám hiệu rà soát thực trạng đội ngũ, xác định đúng đối tượng (độ tuổi, trình độ) tham gia đào tạo bồi dưỡng để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ theo lộ trình từng giai đoạn, đáp ứng các quy định về chuẩn trình độ đào tạo và những được yêu cầu về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, phấn đấu đến năm 2025, nhà trường có 100% cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về Đào tạo.

Tiếp tục phân công, sử dụng Cán bộ, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, cụ thể: Hiệu trưởng giao quyền, trách nhiệm cho cán bộ, giáo viên nhằm giúp họ chủ động trong công việc, phát huy được năng lực, sở trường của từng cá nhân.

Năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo, BGH nhà trường, xây dựng các chỉ tiêu thi đua trong đó có chỉ tiêu quy định việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trên cơ sở kế hoạch của Phòng Giáo dục và Đào tạo cùng văn bản của các tổ chức xã hội có liên quan, BGH đã thống nhất xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Kế hoạch được trình bày một cách khoa học, đã thể hiện rõ được những nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị trong từng năm học. Những nhiệm vụ lớn được lên kế hoạch cụ thể với người chịu trách nhiệm, chỉ tiêu và những biện pháp thực hiện. Kế hoạch được thông qua trước toàn thể đội ngũ giáo viên và được biểu quyết thống nhất và được PGD&ĐT phê duyệt [H1-1.1-03]. Các bộ phận, đoàn thể, giáo viên, nhân viên căn cứ vào kế hoạch nhà trường xây dựng kế hoạch phù hợp với tình hình của tổ, lớp mình phụ trách [H1-1.5-03].

Kế hoạch được thông qua trước toàn thể đội ngũ giáo viên vào đầu năm học, kì, tháng, tuần và được biểu quyết thống nhất triển khai thực hiện [H1-1.2-04]. [H1-1.8-01].

Sau mỗi tháng, mỗi kì, mỗi năm học nhà trường lại tổ chức họp Hội đồng sư phạm họp chuyên môn nhằm đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, tìm ra những điểm mạnh, điểm yếu, những biện pháp khắc phục tồn tại, điều chỉnh lại kế hoạch (nếu cần thiết), sau đó chỉ đạo từng đoàn thể, từng tổ và từng cá nhân tiếp tục thực hiện kế hoạch đã đề ra trong thời gian tiếp theo [H1-1.8-02].

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Kết quả các hoạt động giáo dục của nhà trường luôn ổn định và đạt kết quả tốt [H1-1.8-02];[H1-1.2-04]

2. Điểm mạnh

Nhà trường, các đoàn thể xây dựng kế hoạch giáo dục hằng năm, học kỳ, tháng, tuần phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Mọi kế hoạch đều được chủ động đề ra và thực hiện có hiệu quả. Đa phần các thành viên trong nhà trường đều nghiêm túc thực hiện theo kế hoạch, tự giác và có tinh thần trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ. Công tác kiểm tra, điều chỉnh, đánh giá, kiểm điểm, rút kinh nghiệm được thực hiện thường xuyên, công bằng và khách quan. Các đồng chí cán bộ, giáo viên, nhân viên rất tôn trọng ý kiến phê bình và nghiêm túc tiếp thu, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả

Nhiều năm liền chất lượng giáo dục nhà trường luôn giữ vững tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt từ 99% trở lên, được UBND thành phố đánh giá, xếp loại HTT, HTXS NV.

3. Điểm yếu

Vẫn còn một số ít giáo viên, nhân viên nhà trường còn thụ động trong việc đề ra và thực hiện kế hoạch, chưa mạnh dạn đề xuất hoặc chủ động vạch kế hoạch riêng cho bản thân, cho tổ nhóm mình.

Các hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường chưa được tổ chức thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Quản trị, chỉ đạo đội ngũ cần phát huy vai trò và sức mạnh của mỗi cá nhân trong việc chủ động sáng tạo đề ra kế hoạch và phương hướng thực hiện. Thực hiện đúng quan điểm chỉ đạo của cấp trên là: Mỗi cá nhân phải có một đổi mới trong công tác.

Nhà trường làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục tạo nguồn kinh phí hợp pháp để tổ chức các hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường; thường xuyên kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động và lưu trữ hồ sơ theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

Trường xây dựng quy chế thực hiện dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ,... tổ chức thực hiện các hoạt động công khai theo Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân để CCVCNLD rõ các hoạt động và các khoản thu chi kinh phí của nhà trường ; các vấn đề lớn của nhà trường đều được tổ chức lấy ý kiến CCVCNLD thông qua các buổi họp hội đồng sư phạm nhà trường; Các cá nhân, tổ chức đoàn thể thực hiện đúng các quy định trong Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động nhà trường.[H1-1.9-01];[H1-1.6-03].

Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường [H1-1.9-02].

Hằng năm, nhà trường báo cáo đánh giá việc thực hiện quy chế dân chủ trong Hội nghị công chức, viên chức và người lao động, gửi về cấp trên theo quy định [H1-1.9-03].

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả. Cụ thể: Hằng năm Ban thanh tra nhân dân, Hội đồng trường, Công đoàn tổ chức thực hiện công tác giám sát và thông báo công khai kết quả giám sát trong các cuộc họp; tuyên truyền và phổ biến các văn bản liên quan đến hoạt động giám sát; thi hành triệt để, nghiêm minh các kết luận, kiến nghị giám sát thông qua các cuộc họp, hội nghị, báo cáo. Nhà trường có bảng niêm yết các nội dung công khai tới toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng [H1-1.9-04];[H1-1.9-05].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường một cách tích cực sôi nổi.

Nhiều năm liền (05 năm liền tính đến thời điểm đánh giá), nhà trường không có khiếu nại, tố cáo.

Hằng năm, nhà trường có báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

3. Điểm yếu

Vẫn còn một số ít giáo viên, công nhân viên nhà trường chưa mạnh dạn trong việc đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy....liên quan đến lĩnh vực công tác của bản thân.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cần phát huy vai trò và sức mạnh của mỗi cá nhân trong việc chủ động sáng tạo đề ra kế hoạch và phương hướng thực hiện. Thực hiện đúng quan điểm chỉ đạo của cấp trên là: Mỗi cá nhân phải nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc đóng góp ý kiến vào các kế hoạch, quy định, quy chế của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường lập kế hoạch xây dựng trường học an toàn, đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội an toàn cho giáo viên và học sinh. Phối hợp chặt chẽ với Công an phường Nghĩa Trung trong việc đảm bảo an ninh trật tự, phối hợp với UBND phường Nghĩa Trung trong việc xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh. Trang bị đầy đủ bình chữa cháy CO, được cán bộ công an phòng cháy chữa cháy đến tận trường hướng dẫn đặt đúng nơi để đảm bảo hỗ trợ hiệu quả nhất khi xảy ra cháy nổ. Các nhân viên bảo mẫu đều được tập huấn an toàn thực phẩm. Có nhân viên kiêm nhiệm y tế học đường, đã xây dựng kế hoạch và thực hiện tuyên truyền phòng chống dịch bệnh. Trong năm không xảy ra ngộ độc thực phẩm, tai nạn thương tích. Bếp ăn của trường được Chi cục ATVSTP tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận đảm bảo điều kiện ATTP. Nhà trường được UBND phường Nghĩa Trung công nhận trường học đảm bảo ANTT [H1-1.10-01];[H1-1.10-02]

Nhà trường có hợp đồng một bảo vệ trực tại cổng trường 24/24 nên đã đảm bảo an toàn tuyệt đối cho CB, GV, NV và học sinh trong nhà trường [H1-1.10-03]

Nhà trường luôn đẩy mạnh phong trào thi đua xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực; quan tâm và đối xử công bằng với học sinh, ngăn chặn và xử lý kịp thời các biểu hiện bạo lực trong trường học. Những năm qua không có các hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực. Vì vậy, nhà trường luôn là môi trường giáo dục thân thiện, an toàn, lành mạnh xứng đáng với niềm tin của chính quyền địa phương và các bậc phụ huynh [H1-1.10-04].

Mức 2:

Vào các buổi sinh hoạt dưới cờ nhà trường tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.3-04] ; [H1-1.10-01].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời. Đối với một số học sinh chưa ngoan thì giáo viên chủ nhiệm chủ động trong việc trao đổi thông tin với gia đình học sinh, với Tổng phụ trách đội để uốn nắn và hướng các em vào phong trào của lớp, của trường một cách hiệu quả. H1-1.10-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phương án kịp thời về an ninh trật tự, an toàn trường học, đề phòng chống cháy nổ; tai nạn thương tích, các hiểm họa thiên tai; an toàn giao thông. Học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên được bảo đảm an toàn. Không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới và bạo lực học đường xảy ra trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số học sinh chưa nắm bắt hết nội dung tuyên truyền nên còn mắc khuyết điểm như: ăn quà vặt, chưa đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe gắn máy....

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm học tới nhà trường tiếp tục tham mưu phối hợp cho các cấp đặc biệt là công an xã để giữ vững ANTT trong trường học, tổ chức cho đội cờ đỏ kiểm tra và nhắc nhở học sinh nhằm giảm tình trạng ăn quà vặt. Nhắc nhở trước cờ đối với những học sinh còn mua quà vặt (vào buổi chào cờ đầu tuần). Tiếp tục giảng dạy tốt chương trình ATGT trong nhà trường. Lồng ghép nội dung ATGT qua các cuộc họp phụ huynh, các tiết chào cờ đầu tuần, sinh hoạt tập thể....

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Nhà trường có cơ cấu tổ chức, lớp học và HS theo quy định, có thành lập các tổ và hoạt động theo Điều lệ trường tiểu học. Trong hoạt động luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước cũng như quy định của ngành; trong quản lý, điều hành, chỉ đạo các tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ hàng tuần, tháng, học kỳ, năm học; có đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học và thực hiện việc lưu trữ, báo cáo đảm bảo đúng thời gian; tổ chức thực hiện tốt các cuộc vận động và phong trào thi đua; thực hiện tốt việc quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý CB GV, NV và HS cũng như quản lý tài sản, tài chính, CSVC; Đảm bảo an ninh trật tự và thực hiện an toàn cho GV và HS, không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực học đường.

Cách thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn của một vài tổ chưa mang tính phong phú, sáng tạo nên hiệu quả chưa cao.

Việc thực hiện quy chế dân chủ, một số GV chưa mạnh dạn, chưa tích cực phát biểu trong các cuộc hội họp để trao đổi, đóng góp ý kiến với tinh thần xây dựng tập thể nhà trường vững mạnh.

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0%
- Đạt Mức 1: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100%
- Đạt Mức 2: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100%
- Đạt Mức 3: 8/10 (3/4) tiêu chí chiếm 80%

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Nhà trường có tương đối đầy đủ số lượng Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên có đủ mọi điều kiện và năng lực để thực hiện tốt các hoạt động giáo dục. Cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức tốt, có lối sống lành mạnh, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, tâm huyết với

công việc, có nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, hướng dẫn tận tình cho giáo viên khi gặp khó khăn. Số lượng GV, NV của trường đảm bảo về cơ cấu, đều được đào tạo chuyên môn phù hợp với công tác được giao. Hoạt động chuyên môn và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ được đội ngũ GV trong trường thực hiện tốt. Tập thể CB, GV, NV trong trường luôn nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, giúp đỡ, hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau. GV, NV nhà trường luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao và được đảm bảo đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật. HS của nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ đúng quy định tại Điều lệ trường tiểu học và của pháp luật.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ban Giám hiệu gồm hai đồng chí (01 Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng) đều có trình độ đại học Giáo dục tiểu học [H2-2.1-01]

Hiệu trưởng và Hiệu trưởng đều được đánh giá HTT và HTXS NV [H2-2.1-02]

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đã qua các lớp bồi dưỡng về quản lý giáo dục, hằng năm được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục [H2-2.1-03]

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đều đánh giá, xếp loại HTT và HTXS NV [H2-2.1-02]

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đã tốt nghiệp lớp Trung cấp lý luận chính trị và hằng năm được bồi dưỡng, cả hai đồng chí được cử và tham tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được tập thể giáo viên và nhân viên nhà trường tín nhiệm,

về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực công tác và lãnh đạo [H2-2.1-04].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đều đánh giá, xếp loại HTT và HTXS NV [H2-2.1-02]

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đều có trình độ Đại học, Trung cấp chính trị; có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có năng lực quản lý, có trách nhiệm trong công việc, được đồng nghiệp, phụ huynh và học sinh tin nhiệm; được đánh giá đạt mức tốt theo Quy định chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng.

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đều được tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chính trị và quản lý giáo dục.

3. Điểm yếu

Khả năng giao tiếp bằng Tiếng Anh của Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022-2023 và các năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy những thành tích đã đạt được đồng thời Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng tích cực tự bồi dưỡng về ngoại ngữ nhằm nâng cao khả năng giao tiếp tiếng Anh, tăng cường học hỏi, tích lũy kinh nghiệm về công tác quản lý để điều hành tốt các hoạt động trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt

chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Số lượng GV tương đối đảm bảo dạy đủ các môn học bắt buộc của tiểu học theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác. Hiện tại nhà trường đang tổ chức dạy học 7-8 buổi/tuần, tỷ lệ giáo viên đạt 1,25 giáo viên/lớp, cụ thể có 30 GV/25 lớp, trong đó có 25 GV tiểu học, 5 GV bộ môn (GV Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục, Anh văn) dạy ở tất cả các khối lớp. Giáo viên được phân công giảng dạy đúng chuyên môn được đào tạo. Có 01 giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh [H1-1.7-02].

Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn trình độ đào tạo (báo cáo thông kê trình độ đào tạo đội ngũ) [H2-2.2-01]

Hàng năm nhà trường tổ chức đánh giá, xếp loại Chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học. Kết quả đạt 100% đạt từ loại khá trở lên, Riêng năm học 2021-2022 có 100% giáo viên xếp loại tốt [H2-2.2-03].

Mức 2:

100% giáo viên của trường đạt trình độ đúng chuyên ngành theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học [H 2-2.2-03].

Hàng năm nhà trường tổ chức đánh giá, xếp loại Chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học. Kết quả đạt 100% đạt từ loại khá trở lên, Riêng năm học 2021-2022 có 100% giáo viên xếp loại tốt [H2-2.2-02]

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-03]

Mức 3:

100% giáo viên của trường đạt trình độ chuẩn đúng chuyên ngành theo quy định tại Điều lệ trường [H 2-2.2-01].

Hằng năm nhà trường tổ chức đánh giá, xếp loại Chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học. Kết quả đạt 100% đạt từ loại khá trở lên, Riêng năm học 2021-2022 có 100% giáo viên xếp loại tốt, không có giáo viên đánh giá ở mức độ Đạt [H2-2.2-03]

2. Điểm mạnh

Hằng năm, 100% giáo viên xếp loại khá trở lên theo Quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học.

Đội ngũ giáo viên nhà trường có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình trong công việc. Nhà trường có giáo viên bộ môn chuyên phù hợp với vị trí việc làm.

Hầu hết giáo viên đều tích cực ứng dụng công nghệ tin học trong giáo dục, thực hiện tốt các nội quy định của cơ quan đơn vị.

3. Điểm yếu

Số lượng giáo viên biên chế chưa đáp ứng tỷ lệ 1,5 giáo viên/lớp để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đáp ứng với CTGDPT 2018. Trình độ ngoại ngữ, tin học của giáo viên còn hạn chế. Chưa có giáo viên giảng dạy môn tin học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường xây dựng kế hoạch, lộ trình cho GV tham gia học tập đạt chuẩn về trình độ đào tạo và tạo mọi điều kiện để GV tham gia học tập, bồi dưỡng và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Giáo viên tích cực tự học tập nâng cao trình độ nghiệp vụ, lập kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên.

Tích cực tham mưu với cấp trên giao bổ sung biên chế giáo viên môn chung và giáo viên môn Tin học theo từng năm nhằm đáp ứng thực hiện dạy đủ các môn học bắt buộc và dạy học 9 buổi/tuần.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có nhân viên Thư viện – thiết bị được Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định phân công kiêm nhiệm y tế học đường..... [H2-2.3-01]

Số lượng nhân viên gồm có 04 người, trong đó có 03 nhân viên: nhân viên kế toán, nhân viên văn thư kiêm thủ quỹ và nhân viên thư viện kiêm y tế học đường và 01 nhân viên bảo vệ (HĐ 68). Được nhà trường phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực [H2-2.3-02]

Hầu hết các nhân viên trong nhà trường nhiệt tình, gương mẫu, có ý thức trách nhiệm trong công việc, sẵn sàng nhận nhiệm vụ và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H2-2.2-03]

Mức 2:

Số lượng nhân viên và cơ cấu nhân viên của trường được đảm bảo. Hiện tại, trường có 04 nhân viên gồm: 01 kế toán ; 01 nhân viên thư viện – thiết bị kiêm y tế học đường; 01 nhân viên văn thư – thủ quỹ; 01 nhân viên bảo vệ (HĐ 68) [H2-2.3-02]

5 năm liên tục từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-03]

Mức 3:

Nhân viên kế toán, văn thư, y tế và thủ quỹ có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên theo chuyên môn được giao (hoặc có bằng trung cấp trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm và có chứng chỉ bồi dưỡng do cơ quan có thẩm quyền cấp) [H2-2.3-03]

Hằng năm, các nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công [H2-2.3-04]

2. Điểm mạnh

Nhân viên đều có trình độ từ trung cấp trở lên (không tính nhân viên bảo vệ), hằng năm được bồi dưỡng nghiệp vụ theo vị trí công việc. Nhiệt tình, gương mẫu, tự giác, ý thức kỉ luật tốt, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, được đảm bảo các quyền và lợi ích chính đáng.

3. Điểm yếu

Nhà trường không có nhân viên y tế vì thế phải phân công nhân viên thư viện – thiết bị kiêm nhân viên y tế học đường, đôi lúc công việc chồng chéo phần nào ảnh hưởng đến nhiệm vụ chung của trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Đội ngũ nhân viên của nhà trường không ngừng tích cực học tập, thường xuyên tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng với yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục vào những năm tiếp theo. Nhà trường có kế hoạch tham mưu với cấp trên bổ sung biên chế nhân viên y tế học đường nhằm đáp ứng tình hình thực tế tại trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định.
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, công tác tiếp nhận học sinh vào học lớp một đúng độ tuổi đạt tỉ lệ 100%. Danh sách học sinh được cập nhật đầy đủ và chính xác vào sổ đăng bộ của nhà trường. Nhà trường đảm bảo quy định về tuổi học sinh, không có học sinh học sớm tuổi theo quy định [H1-1.5-01]

Học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ và quy định về các hành vi học sinh không được làm đúng theo Điều 34, Điều 35 của Thông tư 28/2020/TT-BGD&ĐT Thông tư Ban hành Điều lệ trường tiểu học. Hầu hết các em học sinh ngoan, có ý thức và tự giác thực hiện các nhiệm vụ của học sinh [H1-1.5-03].

Học sinh đến tuổi đi học được học đúng tuyến, được học tập chương trình giáo dục do Bộ Giáo dục qui định và các chương trình bổ trợ, ngoại khóa do nhà trường tổ chức nhằm phát triển toàn diện về năng khiếu; được chăm sóc và giáo dục hoà nhập đối với học sinh khuyết tật; được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng; đảm bảo những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập và rèn luyện. Nhà trường chăm lo tốt cho học sinh thuộc diện chính sách, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, các em được hỗ trợ nhận học bổng và được hưởng chính sách xã hội theo quy định [H2-2.4-01] ; [H2-2.4-02] ; [H2-2.4-03].

Mức 2:

GIÁO
DỤC
HỌNG
LÔNG
NƠI

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm nhà trường và thầy cô giáo phát hiện kịp thời đồng thời được giáo viên chủ nhiệm và Tổng phụ trách Đội nhắc nhở và có biện pháp giáo dục có hiệu quả [H2-2.4-03]

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, trong các phong trào được TPT đội được GVCN tuyên dương khen thưởng trước lớp. Tổng phụ trách đội tuyên dương khen thưởng trước toàn trường trong các tiết chào cờ đầu tuần có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường [H2-2.4-04].

2. Điểm mạnh

Học sinh được hưởng đầy đủ quyền lợi học tập, vui chơi và phát triển năng khiếu; thực hiện các nhiệm vụ của học sinh theo Điều lệ trường tiểu học và áp dụng định khác đúng pháp luật. Đa phần học sinh ngoan ngoãn, biết vâng lời thầy cô, cha mẹ, có ý thức tự học, biết phấn đấu vươn lên trong học tập và rèn luyện.

Nhà trường đã tạo mọi điều kiện để học sinh học tập, vui chơi, nâng cao kiến thức và kỹ năng sống cho các em. Nhiều học sinh có thành tích cao trong học tập và các hoạt động phong trào do nhà trường và cấp trên tổ chức

3. Điểm yếu

Một số học sinh còn nhút nhát, hạn chế trong giao tiếp. Đời sống của một bộ phận nhân dân trên địa bàn còn khó khăn, kinh tế và chỗ ở chưa ổn định nên ngoài việc học, các em còn phải phụ giúp gia đình thời gian đầu tư cho việc học còn ít, một số em đến trường còn muộn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường sẽ tăng cường tuyên truyền, vận động phụ huynh quan tâm hơn nữa đến việc học tập của con em; lồng ghép giáo dục kỹ năng sống, giáo dục đạo đức cho các em vào các tiết HĐGD ngoài giờ lên lớp; tiết chào cờ đầu tuần và tiết sinh hoạt lớp...tích cực vận động đội ngũ CBGVNV và các mạnh thường quân tài trợ kinh phí hỗ trợ các em có hoàn cảnh khó khăn để các em vươn lên trong học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Hiệu trưởng có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý, trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp theo quy định. Biết giữ mối đoàn kết nội bộ tạo được động lực giúp GV, nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Phó Hiệu trưởng, nhân viên chủ động, làm tốt công tác tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng, gắn trên vai nhiệm vụ với quyết tâm cao.

Đội ngũ GV có trình độ đạt chuẩn chiếm tỷ lệ 100%, có thâm niên nghề cao nên đủ kinh nghiệm giảng dạy và giáo dục HS. Biết phối hợp với phụ huynh giúp đỡ HS học tập có tiến bộ.

Đội ngũ nhân viên của nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao hàng năm. Nhà trường luôn đảm bảo thực hiện tốt các chế độ, chính sách theo quy định đối với nhân viên.

HS biết vượt khó, vươn lên trong học tập, thực hiện tốt nội quy nhà trường, được quan tâm chăm sóc, được hưởng những quyền và lợi ích chính đáng.

Một số ít giáo viên chưa tích cực tham gia bồi dưỡng để nâng cao trình độ tin học, ứng dụng công nghệ thông tin.

Nhân viên còn phải kiêm nhiệm nhiều công việc nên có phần ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả công việc của nhà trường.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0%
- Đạt Mức 1: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100%
- Đạt Mức 2: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100%
- Đạt Mức 3: 3/4 (3/4) tiêu chí chiếm 75%

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Hệ thống CSVC của nhà trường tương đối đầy đủ, đảm bảo phục vụ cho giảng dạy và hành chính, trường có sân chơi bãi tập đảm bảo cho việc học tập, sinh hoạt và vui chơi của HS. Khuôn viên, cổng trường, hàng rào, sân chơi, bãi tập, nhà vệ sinh, hệ thống thoát nước bố trí sắp xếp phù hợp với điều kiện địa phương. Trong những năm qua, được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo và Ban đại diện CMHS hỗ trợ, xây dựng CSVC ngày càng khang trang, đổi mới phục vụ tốt cho các hoạt động giáo dục.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập

Mức 1:

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;
- c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.

Mức 2:

- a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;
- b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

Mức 3:

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có khuôn viên sạch đẹp và gọn gàng, đảm bảo có hệ thống cây xanh bóng mát, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp [H3-3.1-01]

Trường có cổng trường, biển trường theo quy định, có hàng rào bảo vệ. Cổng trường, biển trường được xây dựng kiên cố đảm bảo tốt về an toàn, an ninh trật tự [H3-3.1-02]

Có sân chơi, sân tập thể dục, đảm bảo an toàn cho học sinh [H3-3.1-03]

Mức 2:

Hiện tại tổng diện tích đất của trường đang được sử dụng là 9866 m²/1053 học sinh. Diện tích khuôn viên sân chơi, sân tập khoảng 2000 m² [H3-3.1-04]

Sân chơi, sân tập thể dục thể thao được bê tông hóa bằng phẳng, đảm bảo cho việc vui chơi, luyện tập và an toàn cho học sinh [H3-3.1-03]

Mức 3:

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát che phủ, vệ sinh sạch sẽ, thoáng mát, có thiết bị đồ chơi, thiết bị vận động, đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả [H3-3.1-03]

2. Điểm mạnh

Trường có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có cổng kiên cố, biển tên trường, có tường rào bao quanh an toàn. Sân chơi, sân tập được bê tông hóa bằng phẳng, có nhiều cây xanh bóng mát, vệ sinh chung sạch sẽ.

3. Điểm yếu

Diện tích sân chơi, sân tập của trường còn hẹp so với số lượng học sinh hiện có toàn trường. Thiết bị vận động còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tham mưu với cấp trên, Ban đại diện cha mẹ học sinh hỗ trợ kinh phí san ủi và bê tông hóa khu vực phía sau dãy hiệu bộ làm sân tập cho học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

- a) Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;
- b) Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;
- c) Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

- a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;
- c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.

Mức 3:

Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định [H3-3.2-01]

Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh. Có bàn, ghế giáo viên, bảng lớp đầy đủ theo quy định [H3-3.2-01]

Có hệ thống đèn, quạt; có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học. Có bảng lớp, có hệ thống đèn và hệ thống quạt, có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học, có máy chiếu, có tủ thư viện lớp [H3-3.2-02]

Mức 2:

Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8793:2011 về yêu cầu thiết kế trường tiểu học [H3-3.2-01]

Nhà tường có đầy đủ hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ dùng, tài liệu. Được sắp xếp hợp lý, dễ nhìn, dễ thấy. An toàn, thuận tiện khi sử dụng [H3-3.2-02]

Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định [H3-3.2-03]

Mức 3:

Chưa có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ

2. Điểm mạnh

Trường có đủ 24 phòng cho 24 lớp học, có 1 phòng học Tin học. Các phòng học được trang bị đầy đủ ánh sáng, quạt, tủ, bảng đen, bàn ghế phù hợp theo chuẩn.....và trang trí đẹp

3. Điểm yếu

Chưa có phòng học bộ môn riêng biệt như Âm nhạc, Tiếng anh.....

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tích cực tham mưu với UBND thành phố đầu tư kinh phí để xây dựng thêm các phòng học bộ môn nhằm nâng cao chất lượng dạy học của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thông và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có 1 phòng học Tin học, 1 phòng thiết bị giáo dục, 01 phòng thư viện, 1 phòng y tế và 1 phòng truyền thông+ hoạt động Đội đáp ứng tối thiểu các hoạt động giáo dục [H3-3.3-01].

Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường. Hàng năm nhà trường đều có biên bản kiểm kê tài sản, tài chính [H3-3.3-02].

Nhà trường có 02 nhà để xe dành cho giáo viên và học sinh được bố trí hợp lý, thuận tiện và đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.3-03].

Mức 2:

Khối phòng hành chính - quản trị gồm có 6: phòng, trong đó có 5 phòng làm việc của khối văn phòng và 1 phòng họp hội đồng đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.2-02]

Nhà trường có phòng lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung [H3-3.3-04]

Mức 3:

Khối phòng hành chính - quản trị gồm có 6 phòng, trong đó có 5 làm việc của khối văn phòng và 1 phòng họp hội đồng, có đủ trang thiết bị cần thiết để đảm bảo an toàn, đáp ứng nhu cầu công tác và hoạt động của đội ngũ [H3-3.2-02]

2. Điểm mạnh

Có các phòng chức năng như: Thư viện, thiết bị, truyền thông đội..., có nhà để xe cho giáo viên, học sinh, khối phòng hành chính quản trị có đủ trang thiết bị cần thiết để đảm bảo an toàn, đáp ứng tối thiểu các hoạt động giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Diện tích khối phòng phục vụ học tập còn chật hẹp như: phòng thiết bị, truyền thông đội. Phòng thư viện còn sử dụng phòng tạm nên hoạt động chưa thực sự hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Chủ động tham mưu với cấp trên trong việc xây dựng thêm phòng phục vụ học tập và bổ sung thêm trang thiết bị để phục vụ tốt nhất cho việc dạy học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 02 khu vệ sinh, trong đó có 1 khu dành riêng cho học sinh nam và học sinh nữ, 01 khu dành cho Cán bộ, giáo viên, nhân viên (Nam, nữ riêng biệt) sạch sẽ, thoáng mát, đảm bảo không ô nhiễm môi trường [H3-3.4-01].

Nhà trường sử dụng nước sạch (nước máy) để sinh hoạt, nước bình cho học sinh và giáo viên – nhân viên uống. [H3-3.4-02];[H3-3.4-03].

Nhà trường có 01 nhân viên phục vụ hàng ngày quét dọn, thu gom và xử lý rác đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-04]; [H3-3.4-05].

Mức 2:

Nhà trường có các phòng vệ sinh sạch sẽ, nhà vệ sinh nằm ở vị trí thoáng mát có ánh nắng đảm bảo thuận tiện và phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H3-3.4-01].

Nguồn nước bảo đảm tiêu chuẩn về nước ăn uống theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 01:2009/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 04/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống; về nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 6 -1:2010/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 34/2010/TT-BYT ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai; về nước sinh hoạt theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 02:2009/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt;

Trường sử dụng hệ thống cấp nước sạch đảm bảo chất lượng, có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp; có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà vệ sinh; có đủ dụng cụ có nắp đậy để chứa đựng rác tạm thời, rác thải được thu gom và xử lý hằng ngày, có hợp đồng với trạm y tế phường Nghĩa Trung thu gom và xử lý rác thải của phòng y tế [H3-3.4-01];[H3-3.4-02] [H3-3.4-03];[H3-3.4-04] ; [H3-3.4-05].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ công trình vệ sinh cho cán bộ giáo viên nhân viên và học sinh; các khu vệ sinh có nhân viên phụ trách dọn vệ sinh thường xuyên đảm bảo sạch sẽ, khô, thoáng. Có nhà để xe cho CCVC và học sinh, có hệ thống thoát nước tốt. Chất lượng nước uống, nước sinh hoạt đảm bảo hợp vệ sinh. Có nhân viên thu gom rác thải, rác thải thông thường và rác thải y tế được xử lý trong ngày đáp ứng yêu cầu của hoạt động giáo dục nhà trường.

3. Điểm yếu

Khu tập kết rác chưa được phân loại. Diện tích nhà vệ sinh còn chật hẹp chưa đủ để đáp ứng nhu cầu cho các em. Ý thức giữ gìn vệ sinh chung của một số em còn hạn chế

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tổ chức phân loại rác theo quy định. Tăng cường tuyên truyền và giáo dục học sinh nêu cao ý thức giữ gìn vệ sinh chung trong các tiết sinh hoạt lớp, chào cờ đầu tuần, hoạt động ngoài giờ lên lớp. Tham mưu với cấp trên xây dựng thêm công trình vệ sinh tại khu C.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ các thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ cho hoạt động trong nhà trường như: 05 máy tính để bàn và 5 máy in, 01 máy photocopi, bàn làm việc, tủ đựng hồ sơ phục vụ công tác quản lý. Có 01 máy tính xách tay; có 05 máy chiếu, 02 màn chiếu... phục vụ các hoạt động của nhà trường [H3-3.5-01].

100% giáo viên được trang bị đầy đủ sách giáo khoa, văn phòng phẩm theo danh mục tối thiểu. Hằng năm có bổ sung theo nhu cầu biến động của từng khối lớp. Phần lớn giáo viên sử dụng đồ dùng dạy học khi lên lớp. Đa số giáo viên biết sử dụng thiết bị dạy học hiện đại như máy chiếu, giáo án điện tử. Hiện tại nhà trường có 23 máy tính để bàn phục vụ học tập môn Tin học [H3-3.5-02].

Hằng năm nhà trường đều có kế hoạch mua sắm, tổ chức kiểm kê, thanh lý và sửa chữa trang thiết bị dạy học [H3-3.5-03].

Mức 2:

Hệ thống máy tính phục vụ công tác quản lý và học tập được kết nối mạng Internet đầy đủ và hoạt động tốt [H3-3.5-04]

Nhà trường trang bị khá đầy đủ thiết bị dạy học phục vụ cho công tác dạy học và một số hoạt động của nhà trường theo quy định [H3-3.5-02]

Hằng năm, nhà trường đều có kế hoạch mua sắm, bổ sung ĐDDH và trang thiết bị dạy học tạo điều kiện tốt nhất cho GV khi lên lớp và một số đồ dùng dạy học do giáo viên tự làm [H3-3.5-05]; [H3-3.5-06]

Mức 3:

Giáo viên thường xuyên khai thác và sử dụng có hiệu quả các thiết bị sẵn có như: máy chiếu, máy tính, ti vi và các thiết bị khác phục vụ cho các môn học. Nhà

trường đã khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học, đặc biệt là những môn học còn thiếu đồ dùng dạy học [H3-3.5-05]; [H3-3.5-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phòng thiết bị, đồ dùng dạy học. Hàng năm, trường có tu sửa và mua bổ sung thêm các thiết bị, đồ dùng dạy học. GV thường xuyên sử dụng ĐDDH, trang thiết bị; ứng dụng CNTT để thực hiện tốt nhiệm vụ dạy và học.

3. Điểm yếu

Đồ dùng dạy học giáo viên tự làm rất ít. Số thiết bị của các khối 3,4,5 đã hư hỏng nhiều mà việc mua sắm, bổ sung các thiết bị, đồ dùng dạy học chưa được kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tổng hợp và đề xuất tu sửa, mua sắm thêm thiết bị, đồ dùng dạy học kịp thời nhằm đáp ứng nhu cầu dạy học tốt nhất.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hàng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thư viện được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học [H3-3.5-02]. Sách giúp con người hoàn thiện bản thân hơn, từ đó giúp con người nhận biết để dành các vấn đề trong xã hội. ngoài ra sách còn có giáo dục tình cảm, đạo đức. Chính vì những lý do đó mà sách có vai trò rất quan trọng đối với con người và xã hội.

Với tầm quan trọng đó của sách, để thúc đẩy văn hóa đọc cũng như giáo dục cho học sinh sao cho đúng, khai thác và tìm hiểu nguồn kiến thức vô cùng bổ ích có trong sách. Trường tiểu học Thăng Long đã phát động phong trào góp sách Thư viện để có thêm các đầu sách phục vụ bạn đọc

Các danh mục và đầu sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo được thống kê đầy đủ và sắp xếp khoa học, kể cả danh mục đầu sách được bổ sung hằng năm và các loại sổ sách theo dõi mượn, trả sách báo được lưu trữ tại hồ sơ thư viện đảm bảo đáp ứng yêu cầu tối thiểu cho hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh. Cán bộ thư viện xây dựng thời gian biểu cho học sinh đọc sách một cách hợp lý nhằm nâng cao văn hóa đọc sách trong toàn trường, hằng năm nhà trường tổ chức Ngày hội đọc sách, thầy và trò hưởng ứng rất nhiệt tình, hiệu quả [H3-3.5-02]; [H3-3.6-01];[H3-3.6-02];[H3-3.6-03].

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch góp sách Thư viện, triển khai tới đội ngũ Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường làm phong phú các loại sách để phục vụ bạn đọc [H3-3.6-04]

Hằng năm thư viện được kiểm kê, mua sắm bổ sung sách, báo, tạp chí, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo [H3-3.5-03];

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên (theo quy định tại Quyết định số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông) [H3-3.6-05]

Mức 3:

Thư viện của nhà trường có máy tính được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.5-04]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phòng thư viện, nhân viên thư viện có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm, thư viện mở cửa thường xuyên cho học sinh đọc sách và CBGVNV mượn SGK, tài liệu tham khảo. Các đầu sách khá nhiều, nội dung phong phú đáp ứng nhu cầu hoạt động dạy và học.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên lớn tuổi nên việc sử dụng các thiết bị hiện đại còn hạn chế. Đồ dùng dạy học của giáo viên tự làm chủ yếu là các thẻ từ, bảng biểu, tranh ảnh nên hạn chế việc tái sử dụng. Số lượng sách tham khảo chưa nhiều, phòng thư viện còn chật hẹp chưa đáp ứng nhu cầu thực tế tại trường

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch bảo dưỡng, bổ sung thêm đầu sách tham khảo, nhất là các đầu sách của chương trình giáo dục phổ thông 2018 để giúp giáo viên và học sinh được cập nhật những nội dung mới nhằm đáp ứng tốt

hơn cho việc dạy và học. Đồng thời tiếp tục tăng cường các biện pháp quản lý thư viện, thiết bị và bảo quản hiệu quả cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục hiện có. Khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng chất lượng và hiệu quả sử dụng tốt hơn. tham mưu cấp trên xây dựng phòng thư viện đáp ứng nhu cầu hoạt động thư viện trong trường học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Nhà trường có đủ diện tích đất theo quy của Điều lệ trường tiểu học, có đủ phòng học cho các lớp, có sân chơi, bãi tập, có phòng phục vụ học tập và các loại máy văn phòng và được kết nối Internet, có khu để xe cho giáo viên, cho học sinh, có nhà vệ riêng cho cán bộ, giáo viên, học sinh, thư viện đáp ứng nhu cầu cho giáo viên và học sinh, có đủ thiết bị dạy học tối thiểu và giáo viên tham gia sử dụng thường xuyên.

Tuy nhiên, nhà trường còn thiếu các thiết bị để dạy mỹ thuật, âm nhạc, ngoại ngữ. Đồ dùng, sách, báo, trang thiết bị dạy học mua sắm còn hạn chế về thể loại. Phòng thiết bị còn chật hẹp. Thư viện chưa đạt chuẩn thư viện tiên tiến.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0%
- Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100%
- Đạt Mức 2: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100%
- Đạt Mức 3: 3/6 (1/2) tiêu chí chiếm 50%

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Nhà trường, gia đình và xã hội là ba môi trường có ảnh hưởng lớn đến công tác GD và phát triển nhân cách HS. Sự phối kết hợp giữa các lực lượng GD là một nhiệm vụ quan trọng trong kế hoạch phát triển GD của nhà trường. Vì vậy, trong những năm học qua, nhà trường đã chủ động phối hợp với BDD CMHS, phối hợp với địa phương và các tổ chức đoàn thể ở địa phương nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng trường và môi trường GD, không ngừng nâng cao chất lượng GD. Với sự phối kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội đã góp phần không nhỏ trong việc động viên tinh thần cho CB-GV-NV và HS của trường. Từ đó góp phần nâng cao chất lượng GD toàn diện của nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ban đại diện CMHS được thành lập và hoạt động theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ GD&ĐT về Ban hành Điều lệ BDD CMHS. Vào đầu mỗi năm học, các lớp họp phụ huynh bầu ra BDDCM học sinh lớp. Chi hội trưởng của lớp tham gia hội nghị cha mẹ học sinh cấp trường để lựa chọn ra BDDCMHS cấp trường gồm 5 thành viên gồm 1 trưởng ban, 02 phó ban và các thành viên. BDD CMHS trường được bầu cử một cách dân chủ, công khai [H1-1.3-03]

Ban đại diện CMHS của trường có đề ra kế hoạch hoạt động, giải pháp thực hiện, phương hướng và chương trình hành động cả năm dựa trên kế hoạch năm học của nhà trường và có báo cáo tổng kết hoạt động vào cuối năm học. [H1-1.3-03];[H1-1.3-04];[H4-4.1-01]

Hàng năm, sau khi tổ chức đại hội CMHS để bầu ra ban đại diện CMHS của trường và góp ý, xây dựng, thống nhất kế hoạch hoạt động năm học. Ban đại diện CMHS tổ chức các cuộc họp thường kì, đột xuất nhằm trao đổi, thống nhất các ý kiến, kế hoạch hoạt động đúng tiến độ và đạt hiệu quả cao.[H1-1.3-03].

Mức 2:

Ban đại diện CMHS Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh. Làm tốt công tác vận động học sinh ra lớp [H4-4.1-02].

Mức 3:

Hàng năm Ban đại diện Cha mẹ học sinh đã phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả với nhà trường về việc lập kế hoạch hoạt động xuyên suốt năm học và cùng giáo viên giáo dục đạo đức cho học sinh; bồi dưỡng, khuyến khích học sinh năng khiếu, giúp đỡ học sinh học chậm; giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn; vận động học sinh không bỏ học [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Giữa nhà trường và cha mẹ học sinh có sự thống nhất cao trong công tác phối hợp và tổ chức các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Ban đại diện cha mẹ học sinh mỗi người một công việc khác nhau nên đôi lúc tham gia các cuộc họp chưa đầy đủ, sự phối hợp giữa Ban đại diện CMHS với nhà trường đôi lúc chưa được kịp thời vì công việc của cá nhân và gia đình.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Duy trì tốt hoạt động của BĐDCMHS, bố trí thời gian các cuộc họp hợp lý, động viên Hội cha mẹ học sinh tích cực hơn nữa trong công tác Hội để hỗ trợ nhà trường trong việc tuyên truyền, giáo dục học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường chủ động tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường [H4-4.2-01]

Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường [H1-1.8-03]

Nhà trường đã huy động phụ huynh học sinh, mạnh thường quân hằng năm hỗ trợ kinh phí cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập, học sinh mắc bệnh hiểm nghèo (tiền mặt và hiện vật), tu sửa sân trường, nhà vệ sinh....[H1-1.3-02].

Mức 2:

Nhà trường tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.8-03]

Phối hợp với UBND, công an phường Nghĩa Trung, cơ quan quân sự và cá nhân khác để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, tổ chức đêm giao lưu văn nghệ, Ngày hội âm thực, nhảy vũ điệu Rumba và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng ở địa phương. Tổ chức thăm đơn vị Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Nông nhân ngày 22/12 [H4-4.2-02];[H4-4.2.03] ;[H 4-4.2-04];

Mức 3:

Nhà trường thường xuyên phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh. Hàng năm nhà trường được Phòng văn hóa Thông tin thành phố công nhận nhà trường đạt danh hiệu "Đơn vị văn hóa" [H 4-4.2-05].

2. Điểm mạnh

Các tổ chức và đoàn thể của địa phương thường xuyên quan tâm đến phong trào giáo dục và tạo điều kiện thuận lợi cho nhà trường hoạt động.

Ban Giám hiệu đã chủ động trao đổi với mạnh thường quân và các mạnh thường quân cũng rất nhiệt tình ủng hộ cả vật chất và tinh thần cho HS có HCKK vươn lên trong học tập.

Thông qua việc phối kết hợp tốt với chính quyền, các tổ chức, đoàn thể, ở địa phương mà nhà trường đã tổ chức được các hoạt động có ý nghĩa góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Duy trì và phát huy tốt mối quan hệ giữa nhà trường với các đoàn thể địa phương, BDD cha mẹ học sinh nhằm làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục.

3. Điểm yếu

Việc huy động các nguồn lực của các tổ chức, cá nhân còn hạn chế so với thực tế nhu cầu của giáo dục trong nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng



Nhà trường cần đẩy mạnh công tác phối hợp với chính quyền, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội. Huy động nhiều hơn nữa các nguồn lực, vật lực của cộng đồng để góp phần xây dựng cơ sở vật chất, chăm lo cho sự nghiệp giáo dục. Tiếp tục làm tốt công tác xã hội hóa.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Hàng năm, BĐDCMHS được kiện toàn vào đầu năm học, nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho BĐDCMHS thực hiện tốt các hoạt động. Ban đại diện CMHS của trường là những người nhiệt tình, có trách nhiệm và đã làm việc theo đúng vai trò, chức trách, nhiệm vụ của mình; phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong các hoạt động giáo dục học sinh cũng như các hoạt động khác của nhà trường.

Nhà trường đã chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp các Ban ngành, đoàn thể tạo ra được mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với Hội PHHS và các đoàn thể chính quyền nhân dân địa phương trong hoạt động nâng cao chất lượng giáo dục học sinh. Chất lượng và hiệu quả phối hợp hoạt động tốt, góp phần xây dựng trường và môi trường giáo dục, không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục. Sự tham gia, phối kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường và CMHS đã giúp cho nhà trường đảm bảo hoạt động dạy và học.

Các thành viên trong ban đại diện cha mẹ học sinh đôi khi còn vắng mặt trong các cuộc họp nên không nắm bắt hết được tình hình học tập của con em mình và các hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0%
- Đạt Mức 1: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100%
- Đạt Mức 2: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100%
- Đạt Mức 3: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100%

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Nhà trường thực hiện đầy đủ chương trình GD và có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học; hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu về phổ cập GD tiểu học, có đầy đủ sách để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập.

Trong quá trình giảng dạy, kết quả giáo dục có tầm quan trọng đặc biệt, nó phản ánh thực trạng dạy và học của nhà trường. Chính vì vậy, việc xây dựng các hoạt động giáo dục và tổ chức đánh giá kết quả giáo dục đúng thực chất là việc làm hết sức cần thiết giúp nhà trường thấy được những điểm mạnh để phát huy và khắc phục những điểm còn hạn chế trong thời gian tiếp theo. Do đó, nhà trường luôn thực hiện đúng kế hoạch giáo dục, chương trình giáo dục của Bộ giáo dục và Đào

tạo quan tâm phát huy ưu điểm và tìm ra các giải pháp nhằm từng bước khắc phục những hạn chế để nâng cao chất lượng dạy và học.

Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Mức 1:

a) Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;

c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

Mức 2:

a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch năm học, học kì, tháng, tuần của nhà trường, kế hoạch CM năm học, học kỳ, tháng, tuần đảm bảo theo quy định của Bộ GD&ĐT. Nhà trường đã chỉ đạo GV thực hiện dạy đủ các môn học bắt buộc, đúng chương trình, kế hoạch, đảm bảo yêu cầu theo Chuẩn kiến thức kỹ năng. Hoạt động đảm bảo theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, kế hoạch chỉ đạo chuyên môn từng năm học, học kỳ, tháng, tuần của nhà trường đảm bảo quy định, đúng chương trình. Xây dựng kế hoạch hoạt động sát với thực tế [H1-1.1-03].

Nhà trường đã chỉ đạo GV thực hiện dạy đủ các môn học bắt buộc, đúng chương trình, kế hoạch, đảm bảo yêu cầu theo Chuẩn kiến thức kỹ năng; xây dựng thời khoá biểu theo phân phối chương trình của Bộ GD&ĐT, phù hợp với tình hình của lớp và tâm sinh lý lứa tuổi HS theo từng khối lớp; đảm bảo xen kẽ giữa các môn văn hoá và môn nghệ thuật, môn tự chọn. Nhà trường dạy đủ các môn học theo quy định, đúng chương trình, kế hoạch đề ra đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng, lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức phù hợp với từng đối tượng học sinh, một số giáo viên áp dụng công nghệ thông tin vào bài giảng đáp ứng khả năng nhận thức và yêu cầu phát triển bền vững trong điều kiện thực tế của địa phương [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03];[H5-5.1-01];[H5-5.1-02]

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được giải trình và thông qua Hội đồng trường, Hội nghị CBGVNV đầu năm học và được PGD&ĐT xác nhận [H1-1.1-03].

Mức 2:

Kế hoạch giáo dục luôn bám sát mục tiêu của cấp học, đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục [H1-1-1.03].

Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch thông qua các báo cáo tổng kết, họp phụ huynh toàn trường [H1-1.9-02];[H1-1.3-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn phù hợp với từng năm học, học kỳ, tháng, tuần đảm bảo quy định. Nhà trường đã giao quyền tự chủ cho giáo viên trong việc xây dựng kế hoạch giảng dạy và tổ chức dạy đủ các môn học, đúng chương trình, kế hoạch, đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng, lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức phù hợp với từng đối tượng học sinh. Thực hiện tốt và có hiệu quả công tác bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh chưa hoàn thành.

3. Điểm yếu

Thời lượng giành cho việc bồi dưỡng học sinh năng khiếu chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Duy trì và thực hiện tốt các kế hoạch hoạt động chuyên môn của nhà trường. Tăng cường đầu tư cho chất lượng mũi nhọn, nâng số lượng và chất lượng học sinh đạt giải năng khiếu. Xây dựng kế hoạch cụ thể, phân công giáo viên có nhiều kinh nghiệm, năng lực chuyên môn tốt và bố trí thời gian hợp lý cho việc bồi dưỡng học sinh năng khiếu. Giáo viên cần tập trung vào việc dạy phân hóa đối tượng học sinh trong các tiết dạy.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;

c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ngay từ đầu năm học nhà trường đã xây dựng kế hoạch năm học, theo đúng với quy định của bộ giáo dục & đào tạo. Nhà trường thực hiện dạy đủ các môn học, đúng chương trình, kế hoạch đảm bảo yêu cầu về chuẩn kiến thức kỹ năng, lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh, đáp ứng khả năng nhận thức và yêu cầu phát triển bền vững trong điều kiện thực tế của địa phương. [H5-5.2-01];[H5-5.2-02].

Trong quá trình dạy học, giáo viên luôn tích cực đổi mới phương pháp dạy học, áp dụng các phương pháp như khăn phủ bàn, các mảnh ghép, bàn tay nặn bột,..., nhiều hình thức dạy học được vận dụng như dạy theo nhóm, dạy cá thể hóa,...đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh, điều kiện nhà trường [H5-5.2-02];[H5-5.2-03].

Việc đánh giá chất lượng học sinh được nhà trường quán triệt một cách nghiêm túc theo đúng quy định về đánh giá tiểu học: Đánh giá theo văn bản hợp nhất số 03/VBHN- BGDĐT ngày 28 tháng 9 năm 2016 của Bộ GDĐT(Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ GDĐT; Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ GDĐT và thông tư 27/2020/TT-BGD&ĐT, ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT) [H5-5.2-04].

Mức 2:

Nhà trường luôn thực hiện đúng chương trình giáo dục, lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh. Thực hiện công văn 896/BGD&ĐT-GDTH về việc hướng dẫn điều chỉnh việc dạy và học cho học sinh tiểu học; văn bản 5842/BGDĐT-VP về hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học giáo dục phổ thông; Thông tư 32/2018/TT-BGD&ĐT ngày 26/12/2018. xếp thời khóa biểu các lớp phù hợp với tâm sinh lý của học sinh và tình hình tổ chức giảng dạy của trường. Giáo viên tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực [H5-5.1-01]; [H5-5.2-02];[H5-5.2-03];[H5-5.2-04].

Ngay từ đầu mỗi năm học, nhà trường đều có kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chưa hoàn thành, giúp đỡ những học sinh khó khăn trong học tập. Đồng thời chỉ đạo GVCN căn cứ vào tình hình học sinh của lớp mình phụ trách để từ đó có kế hoạch bồi dưỡng, phụ đạo hợp lý. Nhờ vậy, hằng năm nhà trường đều có học sinh tham gia giao lưu văn hóa, thể dục thể thao,...có nhiều HS đạt giải [H2-2.4-04]; [H5-5.2-05]

Mức 3:



Hằng năm nhà trường đều có rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh [H1-1.8-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của Bộ GD&ĐT, có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ từng năm học theo quy định, dạy đủ các môn học, đúng chương trình, kế hoạch, đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức kỹ năng của Bộ GD&ĐT ban hành. Công tác tổ chức bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh CHT được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả.

3. Điểm yếu

Một số học sinh vẫn chưa tập trung học tập nên kết quả học tập chưa cao. Một số hoạt động vẫn chưa mang lại hiệu quả cao như: Hội khỏe Phù Đổng. Công tác rèn chữ - giữ vở được nhà trường chú trọng nhưng vẫn còn hiện tượng học sinh bảo quản vở chưa cẩn thận, chữ viết chưa đẹp, còn sai lỗi chính tả nên cũng ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục trong nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định về chuyên môn của nhà trường; nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc tự học, tự bồi dưỡng trong cán bộ GV; tích cực sưu tầm tài liệu trên mạng Internet để học tập nhằm nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ. Phát hiện, bồi dưỡng những học sinh có năng khiếu để tham gia sân chơi trí tuệ do các cấp tổ chức, chỉ đạo GVCN quan tâm nhiều hơn nữa đến những học sinh chưa chú ý học tập, đẩy mạnh công tác rèn chữ - giữ vở nhằm nâng cao chất lượng toàn diện trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác

Mức 1:

- a) Đảm bảo theo kế hoạch;
- b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;
- c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.

Mức 2:

Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường có kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục theo chủ đề từng tháng cụ thể. Các hoạt động đều được phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường góp phần hỗ trợ và nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục toàn diện [H5-5.3-01]

Các hoạt động giáo dục có nội dung, hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với điều kiện thực tiễn của trường, lứa tuổi đặc điểm tâm sinh lí và nhận thức của học sinh như: Giao lưu văn nghệ, Hội rằm trung thu, ngày hội ẩm thực, trò chơi dân gian, nét đẹp đội viên, trải nghiệm ngoài nhà trường... theo đúng kế hoạch đã đề ra [H5-5.3-02]

Các hoạt động giáo dục được phân công cụ thể cho từng giáo viên phụ trách và có sự phối hợp hiệu quả với các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài nhà trường. 100% giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia với tinh thần tự giác, tích cực và ý thức trách nhiệm cao. Tạo điều kiện cho học sinh khuyết tật được học hòa nhập quan tâm giúp đỡ học sinh [H5-5.3-03]

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường đều có học sinh tham gia các hội thi, giao lưu văn hóa do cấp trên tổ chức, có HS đạt giải thưởng cấp thành phố và cấp tỉnh, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo [H2-2.4-04]

Mức 3:

Các nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động được nhà trường phân hóa theo khả năng nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh [H5-5.3-03]

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục khác phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Nội dung hoạt động hình thức tổ chức đa dạng, phong phú, phù hợp với lứa tuổi học sinh và mang tính giáo dục kỹ năng sống cao; huy động được đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường tham gia hứng thú, tích cực và tự giác.

3. Điểm yếu

Tổ chức được các hoạt động tham quan học tập ngoài nhà trường chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trường chỉ đạo Liên đội chủ động tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động giáo dục khác-ngoài giờ lên lớp bằng các hình thức lôi cuốn, hấp dẫn.

Trong những năm học tới, nhà trường tích cực tham mưu với các cấp lãnh đạo, các tổ chức đoàn thể trong địa phương, phối hợp với Ban đại diện Cha mẹ học sinh, các tổ chức, cá nhân hỗ trợ kinh phí để tổ chức cho học sinh được tham quan, dã ngoại ngoài nhà trường nhiều hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

T.P.C
 TRU
 TIÊU
 LẮNG
 0 ★

Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học

Mức 1:

- a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;
- b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;
- c) - Quản lý hồ sơ.- Số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường phân công giáo viên phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức điều tra độ tuổi để huy động hết học sinh trong độ tuổi ra lớp. Thường xuyên cập nhật và triển khai nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của địa phương, của cấp trên có kế hoạch và thực hiện tốt mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi [H1-1.5-01];[H5-5.4-01];[H5-5.4-2].

Nhà trường tổ chức và thực hiện tốt “ Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”, xây dựng kế hoạch phối kết hợp với trường các trường Mầm non nắm được số lượng trẻ 6 tuổi, tuyên truyền, vận động phụ huynh cho trẻ đi học đúng độ tuổi quy định, nhiều năm liên tục nhà trường huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1 [H5-5.4-03];[H5-5.4-02]

Trường có đầy đủ hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học theo đúng quy định, hồ sơ tuyển sinh, sổ theo dõi phổ cập giáo dục tiểu học, sổ theo dõi tình hình học sinh, các văn bản chỉ đạo về công tác phổ cập của địa phương. Các kế hoạch giáo dục phổ cập của nhà trường [H5-5.4-01]

Mức 2:

Tỷ lệ trẻ 6 tuổi trong địa bàn tuyển sinh vào lớp 1 đạt 100% [H5-5.4-04]

Mức 3:

Tỷ lệ trẻ 6 tuổi trong địa bàn tuyển sinh vào lớp 1 đạt 100% [H5-5.4-04]

2. Điểm mạnh

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể quan tâm tạo điều kiện để nhà trường hoàn thành tốt công tác Phổ cập giáo dục. Hàng năm đều huy động được 100% trẻ trong độ tuổi đến trường. Tổ chức và thực hiện tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”. Sĩ số học sinh ổn định, không có học sinh bỏ học giữa chừng.

3. Điểm yếu

Dân số thường xuyên biến động (do chuyển đến, chuyển đi), một số hộ gia đình đi làm ăn xa nên việc điều tra, cập nhật số liệu khó chính xác và không ổn định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục thực hiện tốt mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, duy trì việc tổ chức tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”. Làm tốt công tác tuyên truyền, duy trì tỷ lệ huy động học sinh trong địa bàn ra lớp đạt 100%.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;
- b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;
- c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Kết quả giáo dục hằng năm của nhà trường luôn ổn định, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đều đạt trên mức 99% [H5-5.5-01];[H1-1.9-04]

Tỷ lệ học sinh 11 tuổi - lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học hằng năm đạt tỷ lệ 98% trở lên [H5-5.5-02]. [H1-1.5-01]

Không có học sinh 14 tuổi HTCTTH [H5-5.5-02]

Mức 2:

Hằng năm tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt trên 99% [H5-5.5-01];[H1-1.9-04]

Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 98% trở lên [H5-5.5-02]

Mức 3:

Hàng năm tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt trên 99% [H5-5.5-01]. Nhà trường thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh cho học sinh [H1-1.10-01]. Phối hợp với trạm y tế phường để khám sức khỏe định kỳ cho học sinh. 95% học sinh khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển tốt [H5-5.5-03].

Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 98% trở lên [H5-5.5-02].

2. Điểm mạnh

Kết quả đánh giá, xếp loại giáo dục hằng năm của học sinh trong nhà trường luôn ổn định và từng bước được nâng cao. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học luôn đạt 100%.

3. Điểm yếu

Ý thức học tập của một số học sinh chưa cao, chất lượng mũi nhọn ở một số lớp chưa đồng đều, một số học sinh chưa mạnh dạn trước tập thể, còn thụ động trong việc tham gia các hoạt động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp dạy học, dạy học sát đối tượng, áp dụng các kỹ thuật dạy học mới. Tăng cường phụ đạo học sinh chưa hoàn thành, bồi dưỡng học sinh năng khiếu trong các tiết dạy nhằm duy trì vững chắc kết quả đã đạt được. Chỉ đạo giáo viên quan tâm nhiều hơn nữa đến những học sinh còn nhút nhát, chưa mạnh dạn để các em tự tin hơn trong học tập. Tiếp tục động viên, khen thưởng học sinh có thành tích cao trong học tập và rèn luyện.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Nhà trường xây dựng đầy đủ các kế hoạch năm học, các kế hoạch GD khác đảm bảo theo quy định của ngành. Kế hoạch GD của nhà trường được Phòng GD-ĐT chấp thuận phê duyệt.

Nhà trường đã chỉ đạo GV thực hiện tốt việc vận dụng các kỹ thuật, phương pháp dạy học tích cực nhằm đảm bảo mục tiêu nội dung GD và đạt hiệu quả. Tổ chức thực hiện tốt việc đánh giá HS theo Thông tư 30; Thông tư 22/2016; Thông tư 27/2020/TT-BGD&ĐT quy định về đánh giá HS tiểu học.

Nhà trường thực hiện đủ, đúng, phát huy hiệu quả kế hoạch HĐNGLL và các câu lạc bộ trong nhà trường.

Công tác PCGDTH-ĐĐT của nhà trường, hằng năm đều đạt chuẩn phổ cập mức độ 3

Hàng năm tỷ lệ HS HTCTLH đều đạt từ 99% trở lên. Học sinh 11 tuổi HTCTTH đảm bảo theo chỉ tiêu được giao.

Kế hoạch, chương trình giáo dục không ngừng đổi mới nên đôi lúc đội ngũ giáo viên lớn tuổi chưa kịp thay đổi thích nghi với hướng đổi mới, đồng thời việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy với những giáo viên này cũng gặp khó khăn.

Còn một vài GV chưa quan tâm đúng mức đến hoạt động GDNGLL, nên tham gia chưa tích cực, hiệu quả.

Chưa tổ chức được nhiều hoạt động ngoại khóa như đi tham quan, dã ngoại ở các khu du lịch, khu di tích lịch sử ngoài trong và địa phương để học sinh tìm hiểu thêm kiến thức.

Tỷ lệ học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học vẫn còn khoảng 0,5%.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/5 tiêu chí chiếm 0%
- Đạt Mức 1: 5/5 (5/5) tiêu chí chiếm 100%
- Đạt Mức 2: 5/5 (5/5) tiêu chí chiếm 100%
- Đạt Mức 3: 5/5 (4/4) tiêu chí chiếm 100%

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Kế hoạch được trình bày một cách khoa học, đã thể hiện rõ được những nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị. Những nhiệm vụ lớn được lên kế hoạch cụ thể với người chịu trách nhiệm, chỉ tiêu và những biện pháp thực hiện. Kế hoạch được thông qua trước toàn thể đội ngũ và được biểu quyết thống nhất, được PGD&ĐT phê duyệt.

2. Điểm mạnh

Nhà trường, các đoàn thể xây dựng kế hoạch giáo dục hàng năm, học kỳ, tháng, tuần phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Mọi kế hoạch đề ra và thực hiện có hiệu quả. Đa phần các thành viên trong nhà trường đều nghiêm túc thực hiện theo kế hoạch, tự giác và có tinh thần trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

Kế hoạch giáo dục nhà trường chưa có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy



định để đưa vào xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã chủ động cho giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với đặc điểm tình hình của lớp mình phụ trách, trong đó có lưu ý đến đối tượng học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật. Tích cực phối hợp với phụ huynh hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh hoàn thành mục tiêu giáo dục.

2. Điểm mạnh

100% giáo viên chủ nhiệm đã xây dựng kế hoạch đảm bảo cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật, học sinh năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục cho từng cá nhân.

3. Điểm yếu

Học sinh khuyết tật, học sinh có năng khiếu chưa phát huy được khả năng của bản thân, việc hoàn thành mục tiêu cá nhân còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tích cực nghiên cứu xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với từng đối tượng học sinh. Làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh học sinh và các tổ chức, cá nhân có liên quan hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho 100% học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục cá nhân một cách hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 3: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, có kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có 01 phòng thư viện, được trang bị sách báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa, sách giáo khoa tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phòng thư viện, có 01 máy tính kết nối Internet, nhân viên thư viện có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm, thư viện mở cửa thường xuyên cho CBGVNV mượn SGK, tài liệu tham khảo.

3. Điểm yếu

Cơ sở hạ tầng còn hạn chế, số máy tính kết nối Internet cho giáo viên, học sinh truy cập, tìm hiểu, tham khảo các nội dung liên quan đến công tác dạy học chưa có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 4: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã xây phương hướng, chiến lược và phát triển nhà trường giai đoạn 2018 - 2023 được PGD&ĐT thị xã (nay là thành phố) Gia Nghĩa phê duyệt.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng phương hướng, chiến lược và phát triển nhà trường giai đoạn 2018-2023 phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn (dài hạn, trung hạn, ngắn hạn) và các nguồn lực của nhà trường, được PGD&ĐT thành phố Gia Nghĩa phê duyệt.

3. Điểm yếu

Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường chưa hoàn thành các mục tiêu theo phương hướng phát triển của nhà trường như: cơ sở vật chất, số lượng giáo viên. trình độ đào tạo đội ngũ....

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục tham mưu với cấp trên xây dựng thêm phòng học, phòng bộ môn, bổ sung biên chế kịp thời để thực hiện tốt chương trình GDPT 2018. Xây dựng kế hoạch, lộ trình cho giáo viên tham gia học tập đạt chuẩn trình độ đào tạo theo luật Giáo dục 2019.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Chất lượng giáo dục và các hoạt động giáo dục được duy trì thường xuyên. Nhà trường chú trọng cho học sinh tham gia đầy đủ các phong trào, hội thi do cấp trên tổ chức.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, có trách nhiệm. Nhà trường tổ chức bàn giao và cam kết chất lượng một cách chặt chẽ. Tổ chức tốt các HĐGDNGLL. Tích cực

bồi dưỡng học sinh năng khiếu, chất lượng mũi nhọn ngày một tăng cao. Hằng năm được cấp trên đánh giá HTTNV, HTXSNV, BGD&ĐT, UBND tỉnh tặng bằng khen và cờ thi đua.

3. Điểm yếu

Chất lượng mũi nhọn ở các khối lớp chưa đồng đều

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch, chỉ đạo đội ngũ giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn tăng cường quan tâm, hỗ trợ nâng cao chất lượng mũi nhọn đồng đều ở các lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
 - Không đạt: 4/5 tiêu chí chiếm 80%
 - Đạt: 1/5 tiêu chí chiếm 20%

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/27 chiếm 0%
- Đạt Mức 1: (27/27) (27/27) tiêu chí chiếm 100%
- Đạt Mức 2: (27/27) (27/27) tiêu chí chiếm 100%
- Đạt Mức 3: (21/27) (13/19) tiêu chí chiếm 77,8%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:

- Không đạt: 4/5 tiêu chí chiếm 80%
- Đạt: 1/5 tiêu chí chiếm 20%

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của BGD&ĐT. TRƯỜNG TIỂU HỌC THĂNG LONG tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt mức độ 1 trường chuẩn Quốc Gia.

Gia Nghĩa, tháng 05 năm 2023.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)



Lê Thị Bạch Tuyết